

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
-----❧-----

**ĐỖ THỊ BÍCH LOAN**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT  
TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

Chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp  
Mã số: 60.31.10

**LUẬN VĂN THẠC SỸ KINH TẾ**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: TS. TRẦN CHÍ THIỆN



**THÁI NGUYÊN - 2005**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả .  
Các số liệu và kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được  
công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trích dẫn trong quá  
trình nghiên cứu đều được chỉ rõ nguồn gốc.*

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đỗ Thị Bích Loan



## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cơ quan, các cấp lãnh đạo và các cá nhân. Tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc và kính trọng tới tất cả các tập thể, các cá nhân đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Trước hết tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Thầy hướng dẫn luận văn Tiến sĩ Trần Chí Thiện và các thầy cô giáo đã trực tiếp giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo - Khoa học & Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên và Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm Khoa Sau Đại học Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên đã tổ chức và đào tạo Thạc sĩ Kinh tế giúp tôi có cơ hội được tham gia học tập.

Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hà Giang, Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên & Môi trường, Ủy ban nhân huyện Bắc Quang, Phòng Nông nghiệp, Phòng Thống kê, Phòng Địa chính, các Chủ trang trại, Cán bộ xã của huyện Bắc Quang nơi tôi trực tiếp điều tra.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của các chủ trang trại, bà con nông dân các xã thuộc huyện Bắc Quang trong quá trình làm luận văn.

Tôi xin cảm ơn những người thân trong gia đình đã giúp tôi lúc khó khăn, vất vả để hoàn thành luận văn. Tôi xin cảm ơn các bạn bè đồng nghiệp gần xa đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu để giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2005

**Đỗ Thị Bích Loan**

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nghĩa
1.	BQ	Bình quân
2.	$C_i$	Giá trị hoàn vốn cố định (Khấu hao tài sản cố định)
3.	CPHI	Chi phí
4.	$D_j$	Là các biến giả định
5.	DTICH	Diện tích
6.	DTĐTN	Diện tích đất tự nhiên
7.	GO	Giá trị sản xuất
8.	IC	Chi phí trung gian
9.	K	Vốn kỹ thuật.
10.	L	Lao động
11.	LĐ	Lao động
12.	LN	Lâm nghiệp
13.	M	Giá trị thặng dư
14.	MT	Môi trường
15.	NN	Nông nghiệp
16.	NQ	Nghị quyết
17.	$P_i$	Giá trị sản phẩm thứ i
18.	$Q_i$	Sản phẩm thứ i
19.	QLY	Quản lý
20.	TT	Trang trại
21.	V	Chi phí lao động
22.	VA	Giá trị gia tăng

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng	Tên bảng	Trang
01	Diện tích bình quân/một trang trại của một số nước trên thế giới	15
02	Hiện trạng sử dụng đất ở Bắc Quang từ 2001- 2003	25
03	Phân bố lao động trên địa bàn huyện Bắc Quang phân theo địa bàn cư trú và ngành nghề sản xuất	26
04	Tình hình dân số vào lao động của huyện Bắc Quang năm 2003	28
05	Giá trị sản xuất công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp và Xây dựng cơ bản của huyện Bắc Quang	33
06	Giá trị sản xuất các ngành kinh tế huyện Bắc Quang	34
07	Quy mô diện tích của các trang trại điều tra	44
08	Thực trạng nhân khẩu và lao động bình quân của trang trại	45
09	Tình hình sử dụng đất đai của các trang trại điều tra	47
10	Thực trạng nguồn vốn và tài sản của các trang trại điều tra	49
11	Quy mô sản xuất của các trang trại điều tra	51
12	Giá trị sản xuất bình quân của các trang trại điều tra	53
13	Chi phí trung gian bình quân của các trang trại điều tra	55
14	Giá trị gia tăng bình quân của các trang trại điều tra	58
15	Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế và tỷ suất hàng hoá bình quân của trang trại	60
16	Một số nhân tố ảnh hưởng đến giá trị gia tăng của trang trại	63
17	Kiểm định t về sự sai khác giữa giá trị của các tổ	64
18	Ảnh hưởng của các nhân tố sản xuất tới giá trị gia tăng của trang trại	65



## MỤC LỤC

	Trang
<b>Mở Đầu</b>	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	2
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
2.1. Mục tiêu chung	3
2.2. Mục tiêu cụ thể	3
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu	3
4.1. Về không gian	3
4.2. Về thời gian	3
<b>Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế trang trại</b>	4
1.1. Cơ sở lý luận	4
1.1.1. Thế nào là trang trại và kinh tế trang trại	4
1.1.2. Đặc trưng của kinh tế trang trại	4
1.2. Cơ sở thực tiễn	6
1.2.1. Những tiêu chí để xác định hộ là trang trại	6
1.2.2. Những yếu tố đảm bảo sự tồn tại và phát triển của kinh tế trang trại	8
1.2.3. Ý nghĩa kinh tế, xã hội và môi trường của kinh tế trang trại	12
1.3. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của kinh tế trang trại	14
1.3.1. Trên thế giới	14
1.3.2. Tại Việt Nam	16
1.3.3. Trên địa bàn tỉnh Hà Giang	18
<b>Chương II: Đặc điểm địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu</b>	20
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu	20
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	20
2.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội	26
2.2. Phương pháp nghiên cứu	34
2.2.1. Cơ sở phương pháp luận	34

2.2.2. Các phương pháp cụ thể	35
2.2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu, phân tích	41
<b>Chương III: Thực trạng và các giải pháp kinh tế chủ yếu để phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang</b>	44
3.1. Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang	44
3.1.1. Quy mô diện tích của các trang trại điều tra	44
3.1.2. Thực trạng nhân khẩu và lao động của các trang trại	44
3.1.3. Thực trạng sử dụng đất đai của các trang trại	46
3.1.4. Thực trạng tài sản và nguồn vốn của các trang trại	48
3.1.5. Quy mô sản xuất của các trang trại	50
3.1.6. Giá trị sản xuất của các trang trại	52
3.1.7. Chi phí bình quân của các trang trại	54
3.1.8. Giá trị gia tăng bình quân của các trang trại	57
3.1.9. Hiệu quả kinh tế của các trang trại	59
3.1.10. Mối quan hệ với thị trường của các trang trại	61
3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất của các trang trại	63
3.2.1. Sử dụng phương pháp phân tố	63
3.2.2. Sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas	65
3.3. Những thuận lợi, khó khăn khi phát triển kinh tế trang trại ở Bắc Quang	68
3.4. Các giải pháp kinh tế chủ yếu nhằm phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang	70
3.4.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế trang trại	70
3.4.2. Một số giải pháp kinh tế chủ yếu để phát triển kinh tế trang trại	72
<b>Kết luận</b>	86
<b>Tài liệu tham khảo</b>	88
<b>Phụ lục</b>	90

## MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trải qua gần 20 năm đổi mới (1986 - 2004), nền nông nghiệp nước ta đã đạt được những thành tựu nổi bật. Từ một nước phổ biến là sản xuất tiểu nông, tự cung tự cấp, Việt Nam đã và đang xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá, đảm bảo an toàn lương thực quốc gia và có tỷ suất hàng hoá ngày càng lớn, cải thiện vị trí của mình trong khu vực và trên thế giới. Nước ta đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai trên thế giới, với mức xuất khẩu lớn hàng năm từ 4 - 4,5 triệu tấn và là một trong những nước có sản lượng lớn về xuất khẩu cà phê, điều, tiêu trên thế giới. Kinh tế trang trại trong khắp cả nước đã đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển vượt bậc này.

Trên thế giới, kinh tế trang trại được hình thành tương đối sớm, tuy từng thời kỳ mà có những hình thức, tên gọi khác nhau nhưng có đặc điểm chung là sản xuất mang tính hàng hoá tự chủ với giá trị sản xuất lớn. Ở Việt Nam, kinh tế trang trại đã hình thành và trải qua những giai đoạn lịch sử khác nhau của quá trình phát triển. Tuy nhiên, trang trại gia đình mới chỉ phát triển từ đầu thập kỷ 90 sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Luật đất đai ra đời (1993) với đầy đủ năm quyền quan trọng là chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế và thế chấp.

Phát triển kinh tế trang trại là xu hướng tất yếu trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Thực chất của kinh tế trang trại là bước phát triển cao của kinh tế nông hộ, là bước phát triển mang tính quy luật tự nhiên, khi mà một số hộ nông dân trong quá trình phát triển sản xuất đạt được trình độ cao, có vốn, có đất, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là có ý chí vươn lên làm giàu chính đáng cho mình và cho xã hội.

Hình thành và phát triển trong điều kiện mới, hiện nay kinh tế trang trại đang tỏ ra là một hình thức tổ chức, sản xuất có tính ưu việt bởi nó đang góp phần khai thác những vùng đất hoang hoá, đất trống đồi núi trọc, lầy thụt, góp phần ngăn mặn, giải quyết công ăn việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong



nông nghiệp, nông thôn, tạo ra sự cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường, nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

Tuy vậy, trong quá trình phát triển kinh tế trang trại, đã nảy sinh nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đòi hỏi phải giải quyết kịp thời liên quan đến nhận thức, đến cơ chế chính sách của nhà nước: về đất đai, về phát triển cơ sở hạ tầng, về quyền lợi cũng như nghĩa vụ của chủ trang trại trước pháp luật... nhằm củng cố và phát triển loại hình này một cách tích cực, ổn định và bền vững.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu lớn nhỏ khác nhau về kinh tế hộ nông dân nói chung và kinh tế trang trại nói riêng ở khắp các vùng, miền trong cả nước. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã nêu ra và đều mong muốn làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của kinh tế hộ nông dân, kinh tế trang trại để tìm ra những hướng đi, đề xuất những giải pháp nhằm phát huy vai trò của kinh tế trang trại trong nền nông nghiệp đầy tiềm năng này.

Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp được diễn ra trên không gian rộng lớn, do vậy mỗi vùng, thậm chí mỗi tiểu vùng cũng có sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và kinh tế- xã hội nên các trang trại ở mỗi vùng cũng có những đặc điểm khác nhau. Bắc Quang là huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Hà Giang có tiềm năng lớn về đất nông, lâm nghiệp. Phát triển kinh tế trang trại là hướng đi đúng đắn, cần được quan tâm giúp đỡ bằng những chính sách hợp lý, góp phần khai thác một cách có hiệu quả và bền vững tiềm năng đất đai, lao động ở địa phương. Việc nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn về kinh tế trang trại trong huyện Bắc Quang, từ đó đề ra các giải pháp chủ yếu để phát triển các trang trại trên địa bàn huyện Bắc Quang có ý nghĩa rất quan trọng.

Xuất phát từ thực tế địa phương, với kinh nghiệm công tác trong thời gian qua, đề tài: ***“Thực trạng và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang”*** đã được chọn để nghiên cứu.



## **2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang nhằm phát hiện ra các tiềm năng chưa được khai thác. Từ đó có những giải pháp phát triển kinh tế trang trại một cách có hiệu quả, tăng thu nhập nâng cao đời sống của nhân dân trong vùng góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Hệ thống hóa được những vấn đề có tính chất lý luận về kinh tế trang trại.
- Đánh giá được thực trạng phát triển các loại hình kinh tế trang trại trên địa bàn của huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang.
- Chỉ ra được một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trang trại.
- Đưa ra được những giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế trang trại một cách có hiệu quả cao ở vùng nghiên cứu.

## **3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề về thực trạng và giải pháp phát triển các trang trại hiện có ở huyện Bắc Quang - Hà Giang.

## **4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **4.1. Về không gian**

Nghiên cứu trên địa bàn của huyện Bắc Quang - Tỉnh Hà Giang.

### **4.2. Về thời gian**

- Số liệu lịch sử: chủ yếu giai đoạn 2000-2003
- Số liệu hiện trạng năm 2003, được điều tra năm 2004

## CHƯƠNG I

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI

#### 1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

##### 1.1.1. Thế nào là trang trại và kinh tế trang trại

Trang trại là cơ sở, là doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp của một hoặc một số nhóm nhà kinh doanh.[17]

Kinh tế trang trại là một hình thức tổ chức kinh tế cơ sở trong nông nghiệp, là doanh nghiệp trực tiếp tổ chức sản xuất ra nông sản hàng hoá dựa trên cơ sở hiệp tác và phân công lao động xã hội bao gồm cả lao động gia đình và lao động làm thuê. Ở các trang trại, chủ trang trại đầu tư vốn thuê mướn phần lớn lao động, thuê mướn hoặc mua sắm các tư liệu sản xuất để hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường, được nhà nước bảo hộ theo luật định.[17]

Vì vậy, khi nói đến bản thân trang trại tức là chúng ta nói đến một cơ sở, một thực thể kinh tế đang sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Còn nói đến kinh tế trang trại là nói đến một loại hình hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp với những mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường xung quanh - nơi phát sinh ra và chi phối hoạt động sản xuất kinh doanh của các trang trại.

##### 1.1.2. Đặc trưng của kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại ở nước ta được quan niệm khác hẳn với kinh tế hộ nông dân. Kinh tế hộ nông dân thường được hiểu là kinh tế tiểu nông, sử dụng lao động gia đình là chính, chủ yếu nhằm thoả mãn các nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình. Kinh tế trang trại là một hình thức kinh tế nông nghiệp mang tính sản xuất hàng hoá, có sử dụng lao động thuê ngoài, sản xuất với mục tiêu chính để phục vụ thị trường.

Kinh tế trang trại có những đặc trưng sau:[1]

- *Sản xuất mang tính hàng hoá*: Kinh tế trang trại chủ yếu là sản xuất ra hàng hoá và dịch vụ ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu của thị trường để thu được



lợi nhuận, tích lũy vốn nhằm phát triển mở rộng được quy mô sản xuất. Còn hộ tiểu nông chỉ sản xuất nông nghiệp là chủ yếu để tự đáp ứng những nhu cầu hàng ngày của gia đình. Thông thường, người nông dân phải trích một lượng sản phẩm làm ra của mình đem bán để có tiền chi tiêu cho các nhu cầu tái sản xuất và sinh hoạt thường ngày của gia đình nhưng phần bán đó không nhằm mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và mở rộng phát triển sản xuất.

- *Trình độ chuyên môn hoá, tập trung hoá*: Hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp chia ra làm 3 cấp độ:

Các xí nghiệp, lâm trường, nông trường sản xuất hàng hoá theo hướng chuyên môn hóa, tập trung hoá cao nhất.

Kinh tế hộ nông nghiệp sản xuất chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình, đây là kiểu sản xuất manh mún, nhỏ lẻ không mang tính chuyên môn hoá. Kinh tế trang trại thuộc loại giữa, phát triển sản xuất với mục đích kinh doanh. Quy mô sản xuất, vốn đầu tư, trang thiết bị, lao động... lớn hơn nhiều so với kinh tế hộ. Do vậy, sẽ tạo ra khối lượng sản phẩm vượt nhu cầu của gia đình để thành hàng hoá cung cấp cho thị trường. Mặt khác, do mục tiêu là lợi nhuận nên sản xuất kinh doanh ở trang trại phải đi vào chuyên môn hoá, tập trung hoá.

- *Trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật*: So với kinh tế hộ nông hộ, kinh tế trang trại với mục tiêu là sản xuất hàng hoá bán ra thị trường để thu lãi. Do vậy, đầu tư để trang bị và áp dụng những kỹ thuật mới cho việc sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Chỉ có như vậy, kinh tế trang trại mới sản xuất ra khối lượng hàng hoá có sức cạnh tranh trên thị trường. Rõ ràng là để chuyển từ kinh tế hộ nông dân bình thường sang làm chủ trang trại là một bước chuyển biến về chất trên nhiều lĩnh vực từ tư duy đến trình độ kỹ thuật, quản lý và phong cách làm ăn mới trong nền kinh tế thị trường đáp ứng nhu cầu tất yếu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- *Mối quan hệ với thị trường*: Đối với kinh tế trang trại, việc hạch toán dưới hình thức giá trị là tối cần thiết. Hoạt động sản xuất kinh doanh phải luôn gắn chặt với thị trường, lấy thị trường và lợi nhuận là mục tiêu, là đích cuối cùng

cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy, chủ trang trại phải luôn tìm hiểu, nghiên cứu thị trường trong và ngoài vùng, từ đó tìm ra xu hướng, nhu cầu của thị trường để có chiến lược sản xuất kinh doanh và marketing cho sản phẩm hàng hoá của trang trại mình.

- *Chủ trang trại - nhà kinh doanh*: Tuy không hình thành bộ máy tổ chức quản lý, chủ yếu là sử dụng lao động của gia đình việc thuê mướn lao động chỉ phát sinh khi thực sự cần thiết với quy mô hạn chế (tuy hiện nay một số trang trại quy mô tương đối lớn đã thuê lao động thường xuyên) chủ trang trại là người có đầu óc tổ chức, biết hạch toán lỗ, lãi có khao khát và tham vọng làm giàu.

## 1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

### 1.2.1. Những tiêu chí để xác định hộ là trang trại.

Ngày 23/6/2000 Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tổng cục Thống kê đã ký văn bản số 69/TTLB/BNN- TCTK hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại. Nội dung văn bản như sau:[16]

Trong những năm gần đây, kinh tế trang trại phát triển mạnh ở hầu khắp các địa phương trong cả nước, hình thành loại hình sản xuất mới trong nông nghiệp và nông thôn nước ta. Do chưa có quy định thống nhất của các bộ, ngành trung ương về tiêu chí trang trại nên các địa phương tự đặt ra những tiêu chí về trang trại dựa vào tính chất sản xuất hàng hoá, đầu gia súc..., nên số liệu thống kê về kinh tế trang trại chưa thật chuẩn xác, ranh giới giữa kinh tế hộ nông dân và kinh tế trang trại không rõ ràng, khó khăn cho việc đánh giá thực trạng và xây dựng các chính sách đối với kinh tế trang trại. Chính phủ đã có nghị quyết 03/2000/NQ - CP ngày 02/02/2000 về kinh tế trang trại. Nghị quyết của Chính Phủ, Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Tổng cục Thống kê quy định hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại như sau:

#### **1.2.1.1. Các đối tượng, ngành sản xuất được xem xét để xác định là kinh tế trang trại gồm:**

Hộ nông dân, hộ công nhân Nhà nước và lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, các loại hộ thành thị và các cá nhân chuyên sản xuất (bao gồm nông



nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) hoặc sản xuất nông nghiệp là chính, có kiêm nhiệm các hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn. [16]

#### **1.2.1.2. Tiêu chí định lượng để xác định là kinh tế trang trại [16]**

Một hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản được xác định là trang trại phải đạt được hai tiêu chí định lượng sau đây:

##### **1. Giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ bình quân 1 năm:**

- Đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung từ 40 triệu trở lên
- Đối với các tỉnh phía Nam và Tây nguyên từ 50 triệu trở lên

##### **2. Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế nông hộ tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế**

###### **a. Trang trại trồng trọt**

- Trang trại trồng cây hàng năm
- + Từ 2 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung
- + Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây nguyên
- Trang trại trồng cây lâu năm
- + Từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và Duyên hải miền Trung
- + Từ 5 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây nguyên
- Trang trại lâm nghiệp
- + Từ 10 ha trở lên đối với tất cả các vùng trong cả nước

###### **b. Trang trại chăn nuôi**

- Chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò...
- + Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa có thường xuyên từ 10 con trở lên
- + Chăn nuôi lấy thịt có thường xuyên từ 50 con trở lên
- Chăn nuôi gia súc: lợn, dê ...
- + Chăn nuôi sinh sản có thường xuyên đối với lợn 20 con trở lên, đối với dê, cừu từ 100 con trở lên
- + Chăn nuôi lợn thịt có thường xuyên từ 100 con trở lên (không kể lợn sữa) dê thịt từ 200 con trở lên
- Chăn nuôi gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng,...

+ Có thường xuyên từ 2000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 7 ngày tuổi)

**c. Trang trại nuôi trồng thủy sản**

- Diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản có từ 2 ha trở lên (riêng đối với nuôi tôm thịt theo kiểu công nghiệp từ 1 ha trở lên)

**d.** Đối với các loại sản phẩm nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tính chất đặc thù như: trồng hoa, cây cảnh, trồng nấm, nuôi ong, giống thủy sản và thủy đặc sản, thì tiêu chí xác định là giá trị sản lượng hàng hoá.

**1.2.2. Những yếu tố đảm bảo sự tồn tại và phát triển của kinh tế trang trại**

**1.2.2.1. Điều kiện về kinh tế, xã hội và môi trường**

- *Sự tác động tích cực và kịp thời của nhà nước*

Nhà nước đã có những chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước. Trong nông nghiệp, công nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn, thừa nhận địa vị pháp lý bình đẳng của họ trước pháp luật, nhà nước giao quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ nông dân, tạo điều kiện để trang trại gia đình phát triển.

- *Các chính sách về tín dụng, trợ giá đầu vào, đầu ra hoặc tạm trữ nông sản hàng hoá, miễn giảm thuế nông nghiệp đối với các trang trại đã tạo ra những thuận lợi thúc đẩy sự phát triển kinh tế hộ nông thôn, phát triển kinh tế trang trại.* Mặt khác, nhà nước còn quản lý, điều tiết nền kinh tế phát triển đúng hướng, khắc phục những biến động bất ổn của nền kinh tế thị trường gây thiệt hại cho người sản xuất nông nghiệp trong những bước thăng trầm của nền kinh tế thị trường bảo vệ lợi ích của người nông dân.

- *Sự hình thành những trung tâm, cơ sở thu mua, chế biến nông sản*

Đây là những cơ sở sản xuất công nghiệp, tiêu thụ khối lượng lớn nông sản nông nghiệp sản xuất ra để tạo ra những nông sản hàng hoá có giá trị kinh tế cao hơn. Từ đó sẽ thúc đẩy các trang trại tập trung vào sản xuất hàng hoá theo hướng chuyên môn hóa xung quanh các cơ sở sản xuất. Ví dụ: trang trại chuyên trồng mía xung quanh nhà máy đường, trang trại trồng chè xung



quanh nhà máy chè, trang trại chăn nuôi bò sữa xung quanh nhà máy chế biến sữa.... đã tạo ra một mối liên kết hữu cơ, bền vững nông - công nghiệp thúc đẩy nhau cùng phát triển. Có nền nông nghiệp phát triển thì mới tạo ra những điều kiện cần thiết cho công nghiệp chế biến phát triển. Sự phát triển của công nghiệp chế biến lại dẫn đến nảy sinh nhu cầu cung cấp nguyên liệu. Đó là những động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển sản xuất hàng hoá của các trang trại ở nước ta.

*- Sự phát triển của cơ sở hạ tầng*

Không giống như các ngành kinh tế khác, sản xuất nông nghiệp được phân bố trên địa bàn rộng khắp trên mọi vùng miền trong nước. Do vậy, cơ sở hạ tầng nói chung đối với sản xuất nông nghiệp có vai trò rất quan trọng mà đường giao thông là điều kiện quan trọng đối với nền nông nghiệp hàng hoá nói chung, đối với sản xuất của trang trại nói riêng. Có đường giao thông thì vật tư sản xuất (giống cây, vật nuôi, phân bón...) mới được đưa đến nơi sản xuất kịp thời và sản phẩm hàng hoá sản xuất ra mới được đưa đi tiêu thụ đến các nhà máy, đến thị trường được nhanh chóng. Đối với những sản phẩm tươi sống dễ hư hỏng thì khâu vận chuyển gần như quyết định giá trị kinh tế của hàng hoá. Hệ thống giao thông đa dạng và thuỷ lợi còn là điều kiện tạo ra mối quan hệ liên kết gần gũi giữa các cơ sở tiêu thụ hàng hoá nông sản và các trang trại sản xuất.

Sản xuất nông nghiệp có đối tượng là cây trồng và vật nuôi mà trong đời sống của chúng nước có vị trí số một. Do vậy, trong sản xuất nông nghiệp việc cung cấp nước cũng như việc phòng chống lũ lụt, ngập úng là biện pháp quan trọng hàng đầu đảm bảo cho sự phát triển bình thường của chúng. Đặc biệt, sản xuất ở các trang trại yêu cầu phải có hệ thống thuỷ lợi đảm bảo cho năng suất cây trồng đạt cao và ổn định, nâng cao diện tích gieo trồng, có khả năng hạn chế được những rủi ro.

Mục đích cuối cùng của trang trại là thu được lợi nhuận cao. Do vậy, yếu tố thị trường là yếu tố quan trọng không thể thiếu được trong các điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế trang trại, vì thị trường là nơi trao đổi,



giao lưu hàng hoá. Trước hết, chợ là nơi tập trung nhiều người mua, người buôn bán, vì vậy sự hình thành những khu chợ tại những cụm xã, những nơi đầu mối giao thông sẽ thúc đẩy các trang trại sản xuất tăng khối lượng và tăng chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

- *Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật:*

Quy mô và đặc điểm đất đai của mỗi trang trại thường có sự thay đổi, tuy nhiên sự thay đổi này lại nằm trong một giới hạn nhất định, việc tăng hệ số sử dụng đất cũng có giới hạn, con đường mở rộng tăng khối lượng và chất lượng sản phẩm của các trang trại chính là áp dụng tiến bộ kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới, việc sử dụng các giống mới đã đưa năng suất cây trồng vật nuôi tăng nhanh. Ngày nay, việc đưa công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp sẽ còn hứa hẹn những triển vọng và kết quả phi thường trong thực tế sản xuất của nước ta.

#### **1.2.2.2. Nguồn lực bên trong của trang trại**

Trong cùng một môi trường kinh tế xã hội như nhau, không phải bất cứ hộ nông dân nào cũng phát triển thành trang trại. Con đường khởi sự và ổn định của mỗi trang trại có những đặc điểm riêng. Đó là quá trình phát triển riêng của mỗi trang trại. Những điều kiện đó bao gồm:

- *Phẩm chất và năng lực của chủ trang trại:* Là người tạo dựng và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại, sự hưng thịnh hay thất bại của trang trại đều phụ thuộc năng lực của chủ trang trại. Do vậy, đòi hỏi chủ trang trại phải:

+ Có ý chí vươn lên thoát khỏi nghèo nàn, kiên định mục tiêu đã đề ra, dũng cảm thực sự bị thôi thúc bởi ý chí vươn lên, chấp nhận gian khổ, mạo hiểm để vươn hướng đi lên.

Tuy nhiên cũng không được bông bột, đề ra những kế hoạch không thực tế, quá với điều kiện của mình mà phải là những kế hoạch có tính khả thi.

+ Có khả năng quản lý: người chủ trang trại phải có khả năng tổ chức và quản lý sản xuất: quy hoạch, bố trí đất đai, sắp xếp và sử dụng lao động hợp lý.

+ Kinh doanh phải đạt chất lượng và hiệu quả cao: chủ trang trại là người thực hiện công việc kinh doanh đem lại hiệu quả cao, từ đó tạo ra lợi thế so sánh tương đối về sản phẩm của mình trong vùng thị trường đó.

+ Trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình chủ trang trại phải có những kinh nghiệm, hiểu biết nhất định về những công việc mình sẽ thực hiện và cũng có những kiến thức nhất định về kỹ thuật. Kinh nghiệm và tri thức cần được bổ xung, kết hợp hài hoà với nhau.

Tất nhiên, không phải mỗi chủ trang trại khi tiến hành hoạt động sản xuất đều đạt được những tiêu chuẩn trên mà phải trải qua một thời gian phấn đấu, học hỏi, tích luỹ kinh nghiệm ngay trên trang trại của mình. Mỗi bước đi, mỗi việc làm, mỗi thành công, thất bại đều giúp họ rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích và thiết thực.

*- Sự tích tụ đất đai, vốn, lực lượng lao động*

Đất đai, vốn, lao động là ba yếu tố cơ bản, quan trọng trong nông nghiệp, thiếu một trong ba yếu tố trên thì không thể tiến hành sản xuất được. Đối với trang trại, việc tập trung ruộng đất là rất cần thiết song lại phụ thuộc vào quỹ đất tự nhiên và tập quán của người dân trước đây, ruộng đất luôn bị phân tán ở nhiều khu vực việc chuyển nhượng, tập trung cần phải có thời gian dẫn đến việc hình thành và phát triển các trang trại không đồng đều về thời gian và quy mô. Nhận thấy điều này, nước ta đã có nhiều chính sách thích hợp tạo điều kiện để các trang trại có đủ đất để tiến hành sản xuất kinh doanh. Có đất chưa đủ, các trang trại phải có lượng vốn nhất định để đầu tư cho quá trình sản xuất: mua vật tư, công cụ, máy móc...

*- Thực hiện hạch toán và phân tích kinh doanh*

Trong sản xuất kinh doanh, doanh thu là kết quả thu được, song mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Do vậy, việc hạch toán và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh là cơ sở để chủ trang trại nắm vững hoạt động tài chính thu chi và điều tiết một cách hợp lý, khoa học để chi phí sản xuất ở mức thấp nhất. Để hạch toán và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh người chủ trang trại



phải lập các loại sổ sách cần thiết để ghi chép: sổ thu chi từng khoản mục, sổ bán sản phẩm...

Tóm lại, hai nhóm điều kiện trên thực chất là những điều kiện khách quan và chủ quan cần thiết cho sự hình thành và phát triển của kinh tế trang trại. Mỗi điều kiện có tầm quan trọng và ý nghĩa nhất định. Tuy nhiên, cũng không thể chờ có đủ những điều kiện trên thì mới tiến hành xây dựng trang trại mà người chủ trang trại phải tích cực vận động, tận dụng những điều kiện có sẵn và thực hiện những biện pháp để hội tụ những điều kiện cần thiết khác. Trong quá trình phát triển vừa xây dựng vừa bổ xung, củng cố để các trang trại ngày càng hội tụ đủ những điều kiện đảm bảo sự phát triển bền vững và hiệu quả cao của loại hình kinh tế mang tính ưu việt này.

### **1.2.3. ý nghĩa kinh tế, xã hội và môi trường của kinh tế trang trại**

Kinh tế trang trại trên thế giới có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, khẳng định vị trí và vai trò của nó đối với quá trình phát triển nông nghiệp: có thể nói mỗi trang trại là “*tế bào*” quan trọng của nền nông nghiệp hàng hoá, là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống nông nghiệp. Kinh tế trang trại đã và đang khơi dậy nhiều vùng đất hoang hoá, đồi núi trọc, sử dụng một phần sức lao động dư thừa tại chỗ để sản xuất ra nông sản hàng hoá. Bên cạnh đó, nó còn có vai trò quan trọng trong việc chống xói mòn, góp phần hạn chế lũ lụt và hạn hán.

Kinh tế trang trại đã phá vỡ nền sản xuất tự cung tự cấp, góp phần tích cực hình thành và phát triển mạnh mẽ nền sản xuất hàng hoá đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của con người. “... *Hiện nay nước Mỹ với 2,2 triệu trang trại đã sản xuất hơn 50% sản lượng đậu và ngô của toàn thế giới, nước Pháp với 980 nghìn trang trại đã sản xuất ra nông sản gấp 2,2 lần nhu cầu trong nước, Hà Lan với 128 nghìn trang trại, trong đó có 1.500 trang trại chuyên trồng hoa mà hàng năm sản xuất ra 7 tỷ bông hoa và 600 triệu chậu hoa, trong đó 70% dành cho xuất khẩu. Các trang trại ở Malaixia năm 1992 sản xuất ra 6,4 triệu tấn dầu cọ chiếm 53% tổng sản lượng dầu cọ thế giới*”. [10]

Đi đôi với khối lượng hàng hoá khổng lồ đó là quá trình tăng lên của năng suất lao động đạt mức độ rất cao “... *Năng suất lao động nông nghiệp của các trang trại ở các nước đã hoàn thành công nghiệp hoá ngày càng tăng lên và đạt mức độ khá cao. Sản lượng nông sản làm ra của một lao động nông nghiệp đến năm 1990 đủ nuôi được từ 20 đến 100 người: ở Bỉ – 100 người, Ôxtrâyliia 35 người, Anh 95 người, Mỹ 80 người, Hà Lan 60 người, Canada 55 người...*”. Tuy nhiên, với các nước đang phát triển bắt đầu công nghiệp hoá thì năng suất lao động còn thấp một lao động làm ra sản phẩm đủ nuôi từ 4 đến 5 người. [10]

Kinh tế trang trại phát triển tạo ra sản phẩm cung cấp đầu vào cho các ngành công nghiệp: công nghiệp chế biến, dịch vụ... mặt khác, tiêu thụ sản phẩm đầu ra của những ngành công nghiệp sản xuất: sản xuất vật tư, hoá chất..., góp phần hình thành cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

Kinh tế trang trại phát triển góp phần phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng đất đai, vốn, lao động, tạo ra công ăn việc làm tại chỗ cho người lao động, giảm được sự chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị “*ly nông bất ly hương*” đặc biệt là lao động thời vụ nông nhân, chủ động “*kéo thị trường*” về khu vực nông thôn.

Bên cạnh đó, phát triển kinh tế trang trại còn góp phần gắn kết nhiều người nông dân lại với nhau, tính cộng đồng được củng cố hạn chế được tệ nạn xã hội kích thích mọi người làm ăn chân chính vươn lên làm giàu chính đáng.

Ngoài ra, kinh tế trang trại cũng đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng bộ mặt nông thôn mới, vì nó không chỉ nhằm vào mục tiêu kinh tế mà còn tạo ra cảnh quan mới cho nhiều vùng nông thôn. Việc phát triển kinh tế trang trại đã nảy sinh nhiều nhu cầu mới trong từng hộ, cũng như trong cộng đồng dân cư, như nhu cầu về đường giao thông, điện, thông tin liên lạc... được xây dựng bằng cách “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” đã làm thay đổi bộ mặt trong nông thôn. Bản thân các mô hình trang trại sẽ là điểm đến cho các khách du lịch sinh thái-nhân văn. Các trang trại , với phương thức canh tác bền vững



hơn các hộ tiểu nông, sẽ cho phép bảo vệ và làm giàu thêm tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, giúp bảo vệ môi trường sinh thái.

### 1.3. SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRANG TRẠI

#### 1.3.1. Trên thế giới

Kinh tế trang trại trên thế giới đã hình thành và tồn tại hàng trăm năm nay. Tùy vào từng nước, từng khu vực, từng thời kỳ mà quy mô, hình thức tổ chức có sự khác nhau. Hiện nay kinh tế trang trại là loại hình sản xuất đang phát triển và đem lại hiệu quả ngày càng cao không những về kinh tế mà cả về xã hội và môi trường. Trong đó, Anh là nước đi đầu trong việc hình thành bằng cuộc cách mạng tư sản Anh (cuối thế kỷ 17) phá bỏ chế độ bãi chôn thả công thức đẩy quá trình tập trung ruộng đất, tổ chức các trang trại lớn như các xí nghiệp công nghiệp thì mới tạo ra khối lượng hàng hoá nhiều với giá thành thấp. Nhưng thực tế đã diễn ra khác hẳn, vì đặc điểm của sản xuất nông nghiệp khác hẳn với sản xuất công nghiệp, đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những sinh vật chịu sự tác động rất lớn của nhiều yếu tố môi trường, sinh học, cần phải có sự chăm sóc cẩn thận và riêng biệt cho nên nếu quy mô trang trại quá lớn sẽ không thích hợp. Do vậy, đến thế kỷ 19 trang trại vừa và nhỏ vẫn phát triển mạnh ở Anh. “... Gần 100 năm nay, vấn đề nông trại vẫn thỉnh thoảng lại đặt ra tranh luận và bao nhiêu nhà kinh tế tiên đoán rằng nông trại sẽ chết, thế mà hiện nay nó vẫn tồn tại và phát triển mạnh ở tất cả các nước tiên tiến...”[14]

Pháp, Đức và nhiều nước Tây Âu khác phát triển mạnh nông trại quy mô nhỏ ở cuối thế kỷ 19. Bước sang đến thế kỷ 20 khi công nghiệp phát triển mạnh, các xí nghiệp công nghiệp thu hút nhiều lao động nông nghiệp số lượng trang trại bắt đầu giảm dần và quy mô trang trại lại tăng lên.

**Bảng 01. Diện tích bình quân/một trang trại của một số nước trên thế giới**

Nước	Diện tích (ha)	Nước	Diện tích (ha)
Mỹ	180,00	Bỉ	14,00
Anh	64,00	Pakistan	3,86
Đan Mạch	31,70	Thái Lan	4,50
Pháp	29,20	Italia	2,00
Ấn Độ	20,00	Indônêxia	1,77
Hà Lan	16,40	Nhật Bản	1,20

*Nguồn:[18].*

Hiện nay, trang trại gia đình là lực lượng chủ yếu sản xuất ra các loại nông sản hàng hoá đáp ứng nhu cầu của con người. Ở Mỹ trang trại gia đình chiếm 87% tổng số trang trại, 65% đất đai và gần 70% giá trị nông sản của cả nước, ở Pháp với 980 nghìn trang trại đã sản xuất ra nông sản gấp 2,2 lần nhu cầu trong nước.[10].

Việc cơ giới hoá, hiện đại hoá nông nghiệp trong các trang trại không chỉ diễn ra ở các nước phát triển mà ngay cả đối với các trang trại tại các nước đang phát triển “... Năm 1985, cơ cấu động lực nông nghiệp của các trang trại ở các nước công nghiệp phát triển có 7% sức người, 10% sức súc vật, và 82% sức máy, cơ điện, còn các trang trại của các nước đang phát triển có 25 đến 30% sức người, 50% sức súc vật và 20% sức máy...” Ngoài ra, các trang trại còn ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực sinh học, tin học “...Ở Mỹ, đến nay đã có 20 % trang trại gia đình sử dụng máy tính phục vụ việc lập trình sản xuất kinh doanh trên đồng ruộng và trong trang trại. Ở Đức 50% các trang trại quy mô 50ha trở lên đã sử dụng máy vi tính vào quá trình điều hành sản xuất...”.[10]

Nói tóm lại, lịch sử phát triển nền nông nghiệp nói chung và lịch sử phát triển kinh tế trang trại nói riêng đã hình thành từ rất sớm. Từ khi hình thành, kinh tế trang trại đã không ngừng phát triển bởi tính ưu việt của nó về kinh tế, xã hội và môi trường. Ngày nay, cùng với sự phát triển chung, kinh tế trang trại đang trở



thành một bộ phận quan trọng đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của loài người.

Qua nghiên cứu về sự phát triển kinh tế trang trại, chúng tôi nhận thấy:

Trang trại có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá của các nước. Kinh tế trang trại gắn liền quá trình công nghiệp hoá của các nước từ thấp đến cao, chính công nghiệp hoá đặt ra yêu cầu khách quan để phát triển trang trại, cơ chế thị trường tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển. Trong quá trình công nghiệp hoá kinh tế trang trại đều giữ vị trí xung kích cung cấp nông sản hàng hoá cho xuất khẩu.

Kinh tế trang trại có thể phát triển ở tất cả các khu vực khác nhau như đồng bằng, miền núi, ven biển.

Trang trại mà chủ yếu là trang trại gia đình đã và vẫn là lực lượng chính sản xuất ra các loại nông sản hàng hoá.

Kinh tế trang trại có thể và có điều kiện phát triển ở các quy mô sản xuất khác nhau, cả quy mô sản xuất lớn như các nước Châu Âu, Mỹ, quy mô sản xuất nhỏ như các nước Châu Á.

Trong các giai đoạn ban đầu kinh tế trang trại phát triển theo hướng kinh doanh tổng hợp bằng cách đa dạng hoá sản phẩm, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường sẽ từng bước đi vào chuyên môn hoá.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại không hoàn toàn phụ thuộc vào quy mô đất đai. Ở các nước phát triển Châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan diện tích các trang trại nhỏ nhưng hiệu quả sản xuất lại rất lớn.

Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho chủ trang trại là một trong những nhân tố giúp cho sự phát triển và thành công của kinh tế trang trại.

Kinh tế trang trại có nhiều loại hình khác nhau, nhưng phổ biến nhất là trang trại gia đình, có nguồn gốc từ hộ gia đình vì nó phát huy thế mạnh vốn có của hộ gia đình.

### **1.3.2. Tại Việt Nam**

*Giai đoạn phong kiến:*

Từ đời nhà Lý đến nhà Trần đã có các điền trang, thái ấp. Thời Lê, thời Nguyễn có các đồn điền. Các điền trang, thái ấp hay đồn điền đều do nhà vua



ban cho các quý tộc, vương hầu, quan lại... Tuy vậy, cũng có một số đồn điền thời Lê, Nguyễn là của địa chủ. Các điền trang, thái ấp, đồn điền đều có quy mô tương đối lớn từ một đến hai làng, sử dụng những nông dân không có ruộng cày để làm nô lệ. Điền trang, thái ấp là lực lượng sản xuất có vai trò to lớn trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp và cung cấp lương thực cho việc bảo vệ đất nước.

#### *Giai đoạn Pháp thuộc (1858- 1945)*

Khi thực dân Pháp chiếm xong nước ta chúng cho phép bọn tư bản thực dân thành lập các đồn điền. "... Năm 1927 chỉ riêng Bắc Kỳ đã có 155 đồn điền rộng từ 200 ha đến hơn 8.500 ha. Ở Nam Kỳ và cao nguyên Trung Kỳ nhiều tên thực dân đã có những đồn điền rộng hàng vạn ha. Đến năm 1930, số ruộng đất do thực dân Pháp chiếm đoạt để lập đồn điền là 1,2 triệu ha, bằng 1/4 tổng diện tích đất canh tác của nước ta lúc bấy giờ...". Phần lớn đồn điền dùng để trồng cây lương thực và cây công nghiệp. Năm 1930, các đồn điền trồng lúa với diện tích là 53,8 vạn ha, đồn điền trồng cao su với diện tích gần 99.700 ha, đồn điền trồng cà phê 19.700 ha, 3.710 ha chè, chúng sử dụng hàng vạn nhân dân ta làm lao động khổ sai.[11].

#### *Giai đoạn 1945 – 1981*

Sau khi giành được đất nước tháng 8 năm 1945, cùng với việc tiếp tục chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, trường kỳ chống thực dân quay trở lại xâm lược. Đảng ta, dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ đã cải cách ruộng đất, tịch thu các đồn điền, ruộng đất của bọn địa chủ chia cho nhân dân. Nhờ đó, nhân dân ta tích cực tham gia sản xuất, kết quả là đã diệt được giặc đói góp phần to lớn vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoàn toàn vào năm 1954. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược nhằm thực hiện mục tiêu thống nhất nước nhà. Trong giai đoạn này, các đồn điền được chuyển thành các nông trường quốc doanh, xí nghiệp hoặc các hợp tác xã. Tuy nhiên, do cơ chế chính sách còn nhiều bất cập như việc bắt buộc người dân phải tham gia vào hợp tác xã, hạn chế thị trường... đã làm cho kinh tế hộ nông dân và kinh tế trang trại không phát triển được.

*Giai đoạn 1981 đến nay*

Nhận thức được những bất cập đó, trong Đại hội Đảng toàn quốc lần VI, Đảng và Nhà nước ta đã nhìn nhận và thẳng thắn nhận khuyết điểm đồng thời ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết với mục đích là khuyến khích kinh tế hộ phát triển tương xứng với tiềm năng của nó: Chỉ thị 100 CT/TW (1981), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tháng 4 năm 1988), các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) ra đời đã thừa nhận và khẳng định vai trò to lớn của kinh tế hộ nông dân trong việc phát triển kinh tế. Các hộ nông dân có tiền vốn, lao động, đất và kinh nghiệm sản xuất đã bắt đầu phát triển để hình thành những trang trại gia đình. Hiện nay, kinh tế trang trại đã có sự phát triển khá nhanh trên quy mô toàn quốc. Tính đến ngày 1/10/2001, theo kết quả sơ bộ điều tra nông nghiệp, thuỷ sản năm 2001 cả nước hiện có 60.758 trang trại, tăng 4.906 trang trại so với năm 2000, góp phần khai thác gần 300.000 ha đất trống đồi núi trọc và đất hoang hoá.[3]

**1.3.3. Trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Cùng với những Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và Nhà nước về tạo điều kiện cho kinh tế hộ nông dân phát triển, tỉnh Hà Giang cũng đã đưa ra nhiều Nghị quyết nhằm đẩy mạnh kinh tế sản xuất hàng hoá nói chung và kinh tế trang trại nói riêng, tiêu biểu phải kể đến Nghị quyết Đại hội lần thứ 12 của Tỉnh đảng bộ Hà Giang và Nghị quyết 10/NQ - TU 6/4/2004 của Tỉnh uỷ Hà Giang về chương trình hành động theo tinh thần Nghị quyết 6 (lần 1) khoá VIII của Đảng. Kinh tế nông nghiệp và nông thôn của tỉnh đã có bước chuyển biến tích cực, tương đối toàn diện, đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng được nâng cao, bước đầu hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường. Nổi lên trong quá trình phát triển là những loại hình sản xuất hàng hoá - trang trại.[13]

Loại hình này đã và đang tác động mạnh mẽ trên nhiều mặt trong nền sản xuất nông nghiệp nông thôn của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước khai thác hàng ngàn héc ta đất chưa sử dụng, thu hút hàng vạn lao động và hàng tỷ đồng



vốn nhân rồi trong dân, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần làm tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, nông thôn và tăng cường củng cố xây dựng nông thôn mới.

Trong những năm qua kinh tế trang trại đã góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Giang, nhất là trong khu vực kinh tế nông, lâm nghiệp, góp phần to lớn vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông thôn, đây cũng là nơi đảm bảo phần lớn nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu (chè, hoa quả, gỗ...) tạo việc làm cho hàng nghìn lao động nông thôn trong tỉnh.

Theo số liệu báo cáo đến tháng 4/2000 của tỉnh Hà Giang có 2149 trang trại (theo quan niệm của địa phương) . Đến nay (2003) đánh giá sắp xếp lại theo thông tư liên tịch số 69 /2000/ TTLB/BNN/TCTK ngày 23/06/2000 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Tổng cục Thống kê, trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 181 trang trại đủ tiêu chuẩn. Số trang trại này phân bố không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh và loại hình sản xuất cũng theo đặc điểm cơ bản của từng vùng. Trong đó, huyện Bắc Quang có 45 trang trại, chiếm 25% tổng số trang trại trong toàn tỉnh.

## CHƯƠNG II

### ĐẶC ĐIỂM CỦA HUYỆN BẮC QUANG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM CỦA HUYỆN BẮC QUANG

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

###### 2.1.1.1. Vị trí địa lý

Bắc Quang thuộc tiểu vùng thấp (vùng III) của tỉnh Hà Giang, có tọa độ  $20^{\circ}10' - 22^{\circ}36'$  vĩ độ Bắc  $104^{\circ}26' - 105^{\circ}07'$  kinh độ Đông.

Phía Tây giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Phía bắc giáp phía huyện Vị Xuyên.

Phía Đông và Nam giáp tỉnh Tuyên Quang.

Bắc Quang nằm trên trục quốc lộ 2 là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh Hà Giang, trung tâm huyện cách thị xã Hà Giang 60 km về phía Nam và cách thủ đô Hà Nội 260 km về phía Bắc. Bắc Quang vừa là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Hà Giang trong việc giao lưu kinh tế văn hoá với các tỉnh bạn, vừa là một điểm trên trục tuyến lớn giữa vùng kinh tế Tây Nam Trung Quốc với các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Vị trí đó vừa là một lợi thế, vừa là một thách thức lớn đối với Bắc Quang trong xu hướng hội nhập nền kinh tế của cả nước và trong khu vực.

###### 2.1.1.2. Địa hình, thổ nhưỡng

Bắc Quang có địa hình phức tạp mang đặc điểm điển hình của huyện miền núi, bề mặt không bằng phẳng, bao quanh nhiều đồi núi, ô trũng bậc thang. Do vậy, nơi đây rất thuận lợi cho việc phát triển hệ thống nông lâm kết hợp có hiệu quả và phong phú. Địa hình của huyện có thể chia làm hai loại chính khác nhau rõ rệt:

- Địa hình vùng núi cao bao gồm các dãy núi và đồi bát úp nằm về phía Bắc, Tây Bắc, Đông và Đông Bắc của huyện, cao trung bình từ 300-500 m, độ dốc phổ biến từ  $15-30^{\circ}$ . Địa hình bị chia cắt mạnh, sông suối có độ dốc lớn tạo ra nhiều tiểu vùng với đặc điểm khí hậu khác nhau.



- Địa hình bằng thoải ven sông là các dải đất dọc theo Sông Lô, chạy từ Bắc Quang đến Vĩnh Tuy. Cao trung bình quân 80-150m, độ dốc phổ biến từ 5-15<sup>0</sup>. Đặc điểm nổi bật là đất khá bằng phẳng, thuận lợi cho việc phát triển cây lương thực và cây ăn quả.

Toàn bộ lãnh thổ huyện chia thành 5 tiểu vùng sinh thái nông lâm nghiệp:

+ Tiểu vùng I gồm 6 xã và 1 thị trấn dọc theo quốc lộ 2. Thế mạnh của tiểu vùng này là phát triển các loại cây lương thực (lúa, ngô, khoai) cây công nghiệp dài ngày (chè, cà phê, quế...) cây ăn quả có múi (cam, quýt, bưởi....) và chăn nuôi gia súc. Các trung tâm cụm xã Bắc Quang, Vĩnh Tuy đang từng bước hình thành trung tâm kinh tế – xã hội của huyện; các cơ sở chế biến nông lâm sản, công nghiệp xây dựng và dịch vụ có điều kiện để phát triển.

+ Tiểu vùng II gồm 6 xã phía Đông của huyện: Đây là vùng có nhiều tiềm năng đất đai nhưng kinh tế còn chậm phát triển. Tiềm năng phát triển của các loại cây lương thực (lúa) cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả, cây lâm nghiệp nguyên liệu giấy, chăn nuôi đại gia súc (trâu, dê) là còn rất lớn.

+ Tiểu vùng III gồm 8 xã phía Tây của huyện. Thế mạnh của vùng này lúa, ngô cây ăn quả (cam, quýt, vải, nhãn...) cây nguyên liệu giấy, cây nông nghiệp dài ngày (quế, trám, cà phê...) chăn nuôi lợn, trâu, cá. Trong một tương lai gần, có thể hình thành ở đây các trung tâm kinh tế – dịch vụ (Đồng Yên, Xuân Giang, Vĩnh Phúc....) chế biến nông lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

+ Tiểu vùng IV gồm 5 xã vùng giữa của huyện với ưu thế về cây nguyên liệu giấy, cây công nghiệp dài ngày (chè, quế), cây ăn quả (cam, quýt) và chăn nuôi đại gia súc (trâu bò).

+ Tiểu vùng V gồm 5 xã vùng sâu, vùng xa của huyện. Thế mạnh của vùng này là cây nguyên liệu giấy, cây công nghiệp dài ngày (chè) và chăn nuôi đại gia súc.

Mỗi tiểu vùng đều có thế mạnh riêng nhưng thế mạnh đó chưa được khai thác tốt nên còn ở dạng kém phát triển và hiệu quả kinh tế còn thấp.

### 2.1.1.3. Khí hậu, thủy văn

Khí hậu của huyện mang tính chất đặc thù của huyện miền núi như nóng, ẩm thuận lợi cho phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi. Nhưng do điều kiện vĩ độ và độ cao của địa hình nên có biểu hiện của khí hậu Nam á nhiệt đới. Tuy nhiên, gió mùa đông bắc không kéo dài và tràn về từng đợt. Mỗi khi không khí cực đới yếu đi, không khí biển ẩm lại tràn vào thay thế vì vậy mùa đông tuy rét lạnh nhưng vẫn xen kẽ những đợt ấm làm giảm tác hại do những thời tiết lạnh gây ra đối với sản xuất nông nghiệp. Những cây trồng nhiệt đới đã thuần hóa và thích nghi được với điều kiện nhiệt độ trung bình khá thấp trong mùa đông.

Về *Nhiệt độ* trung bình năm  $22,5^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ trung bình tháng cao nhất (tháng 7):  $27,3^{\circ}\text{C}$ , nhiệt độ trung bình thấp nhất (tháng 1)  $15,4^{\circ}\text{C}$ .

Tổng tích ôn cả năm  $8203^{\circ}\text{C}$ , vụ Đông Xuân (11-4) là  $3.377^{\circ}\text{C}$ , vụ mùa (tháng 5-10) là  $4826^{\circ}\text{C}$ .

Độ ẩm không khí bình quân năm 87%.

Lượng bốc hơi bình quân năm 63,8%.

Hướng gió thịnh hành: Gió Đông Bắc (từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau) gió Đông Nam (từ tháng 5 đến tháng 9).

Nhìn chung yếu tố nhiệt độ thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt đối với các loại cây ăn quả và cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới. Một số loại cây á nhiệt đới cũng sinh trưởng và phát triển.

Về *lượng mưa*: Bắc Quang là một trong những trung tâm mưa lớn ở miền Bắc. Tại trung tâm huyện Bắc Quang lượng mưa trung bình thu được trên 4.500mm. Các xã thuộc phía Đông và Nam dãy Tây Côn Lĩnh, lượng mưa càng giảm đi song cũng đạt trên 2.000 mm. Lượng mưa trung bình năm tại Bắc Quang là 4.665 mm, Đại Sảo là 2.734 mm, Yên Bình là 2.292mm.

Lượng mưa phân bố không đều trong năm. Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 11 (chiếm 90% lượng mưa cả năm). Tuy nhiên do lượng mưa rất lớn nên dù có biến động thì lượng mưa tối thiểu thu được cũng trên 2.400mm.

Lượng mưa lớn nhưng chỉ tập trung vào các tháng mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10 và do địa hình dốc đầu nguồn sông nên không có hiện tượng bị



ngập quá lâu làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa đây là thời kỳ nhiệt độ quá lớn nên cần rất nhiều nước nên lượng nước lớn nhưng ít gây ảnh hưởng xấu. Vấn đề khó khăn đối với Bắc Quang không phải là sự dư thừa nước mà là vấn đề chống xói mòn, bảo vệ đất trong mùa mưa cho cây trồng [4].

#### **2.1.1.4. Điều kiện đất đai**

Sử dụng đất đai có hiệu quả đã trở thành một nhiệm vụ có tính chất chiến lược nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển chung của . Để nghiên cứu tình hình sử dụng đất đai của huyện Bắc Quang qua các năm ta nghiên cứu bảng 02.

Theo các nguồn tài liệu về thổ nhưỡng đã nghiên cứu từ trước đến nay, nhất là điều tra đánh giá đất của các chương trình 327/CT, dự án phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, dự án phát triển cây ăn quả Bắc Quang mới tiến hành gần đây trên địa bàn huyện Bắc Quang, có 3 nhóm đất chính:

- \* Nhóm đất phù sa gồm: đất phù sa, ngòi, suối có diện tích 7.450 ha và đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng có diện tích 6.425 ha.

- \* Nhóm đất đỏ vàng: gồm đỏ vàng trên đất đá sét, đỏ vàng trên đá biến chất, đỏ vàng trên đá macma axit, đỏ vàng nhạt trên đất đá cát, đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ nâu trên núi đá vôi và đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa. Nhóm đất này có diện tích 131.430 ha trong đó đất đỏ vàng trên đá sét có diện tích lớn hơn cả 71.290 ha, tiếp đó là đỏ vàng trên macma axit 31.350 ha.

- \* Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi: 8.080 ha.

Ngoài 3 nhóm đất chính còn có đất dốc là 160 ha và đất xói mòn trơ sỏi đá 570 ha.

Qua phân tích tài liệu đất của Bắc Quang, cho thấy Bắc Quang có tổng diện tích đất tự nhiên 164.270 ha gồm 19 loại đất khác nhau trong đó 4 loại đất có khả năng trồng cam quýt.

Nhìn chung, đất ở Bắc Quang có phản ứng chua, độ pH nằm trong khoảng từ 4 - 4,5. Riêng đất phù sa cổ mới trồng cam có độ pH khá hơn 6-6,5. Hàm lượng mùn ở mức trung bình đến trung bình khá, các chất đạm, lân, kali và các cation trao đổi ở mức trung bình đến nghèo. Trên đất đã trồng cam



nhiều năm, đất có biểu hiện thoái hóa rõ: độ chua tăng, mùn bị rửa trôi nhiều, các chất đạm, lân, kali kể cả tổng số và dễ tiêu đều bị giảm một cách đáng kể.

Trong những năm gần đây (2001-2003) sử dụng đất ở Bắc Quang đã có sự chuyển biến tích cực: trong tổng số 164.270 ha đất tự nhiên thì đất nông nghiệp chiếm từ 12,73% năm 2001 tăng lên 12,9% năm 2002 và 14,26% năm 2003 trong tổng số diện tích đất tự nhiên. Trong đất canh tác nông nghiệp, diện tích cây hàng năm và cây lâu năm đều tăng qua các năm nhưng tốc độ cây hàng năm tăng chậm hơn cây lâu năm song vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sử dụng đất canh tác nông nghiệp. Diện tích cây hàng năm năm 2001 là 14.187 ha đã tăng lên 14.199,1 ha năm 2002 và năm 2003 là 15.277 ha.

Diện tích cây lâu năm tăng tương đối mạnh qua các năm, năm 2001 là 6728,4 ha chiếm 32,17% trong cơ cấu diện tích đất canh tác nông nghiệp, năm 2002 là 7.057 ha chiếm 33,% và năm 2003 là 8.151,6 chiếm 34,8%.

Đất lâm nghiệp cũng tăng đáng kể từ 50,39% năm 2001, lên 51,8% năm 2002 và 52,8 năm 2003. Trong đất lâm nghiệp, diện tích rừng tự nhiên có xu hướng giảm từ 72.483 ha năm 2001 xuống còn 72.125 ha năm 2002. Đó là nạn chặt phá rừng bừa bãi chưa được chấm dứt. Tuy nhiên, diện tích trồng rừng đã tăng đáng kể từ 10.340 ha năm 2001 lên 13.026 ha năm 2002 và 14.451 năm 2003, trong đó, chủ yếu là rừng cây gỗ làm nguyên liệu giấy tăng nhanh.

Đất thổ cư và đất chuyên dùng (chủ yếu là giao thông, thủy lợi...) có tăng nhưng tăng không đáng kể.

Đất có khả năng nông lâm nghiệp (đất trống đồi trọc, đất hoang hóa...) được đưa vào sử dụng ngày một nhiều hơn từ 25.012 ha năm 2001 chiếm 15,2% đất tự nhiên đến năm 2002 còn 22.231,6 ha chiếm 13,93% và năm 2003 chỉ còn 18.276,8 ha bằng 11,12%. Đây cũng là một biểu hiện tích cực trong sử dụng đất ở Bắc Quang.

**Bảng 02. Hiện trạng sử dụng đất ở Bắc Quang từ 2001- 2003**

Chỉ tiêu	Năm 2001		Năm 2002		Năm 2003	
	Số lượng (ha)	Cơ cấu %	Số lượng (ha)	Cơ cấu %	Số lượng (ha)	Cơ cấu %
<b>Tổng DT tự nhiên</b>	<b>164.270,00</b>	<b>100,00</b>	<b>164.270,00</b>	<b>100,00</b>	<b>164.270,00</b>	<b>100,00</b>
<b>I- DT đất N.Nghiệp</b>	<b>20.915,60</b>	<b>12,73</b>	<b>21.256,00</b>	<b>12,93</b>	<b>23.428,00</b>	<b>14,26</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Cây hàng năm	14.187,20	67,83	14.199,10	66,80	15.277,00	65,20
- Cây lâu năm	6.728,40	32,17	7.057,00	33,20	8.151,00	34,80
<b>II- Đất lâm nghiệp</b>	<b>82.778,00</b>	<b>50,39</b>	<b>85.151,00</b>	<b>51,80</b>	<b>86.853,00</b>	<b>52,80</b>
<b>Trong đó:</b>						
- Rừng tự nhiên	72.438,00	87,51	72.125,00	84,70	72.402,00	83,30
- Rừng trồng	10.340,00	12,49	13.026,00	15,30	14.451,00	16,70
<b>III- Đất thổ cư</b>	<b>1.0120,0</b>	<b>0,62</b>	<b>1.046,00</b>	<b>0,63</b>	<b>1.126,00</b>	<b>0,68</b>
<b>IV- Đất chuyên dùng</b>	<b>2.652,00</b>	<b>1,61</b>	<b>2.685,60</b>	<b>1,68</b>	<b>2.685,60</b>	<b>1,60</b>
<b>V- Đất có khả năng Nông-lâm nghiệp</b>	<b>25.012,00</b>	<b>15,20</b>	<b>22.231,60</b>	<b>13,93</b>	<b>18.276,80</b>	<b>11,12</b>
<b>VI- Đất khác (ao hồ, sông suối, núi đá...)</b>	<b>31.900,00</b>	<b>19,42</b>	<b>31,900</b>	<b>19,46</b>	<b>31.900,00</b>	<b>19,46</b>

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Bắc Quang)

#### 2.1.1.5- Nguồn nước

Nguồn nước mặt của Bắc Quang khá phong phú. Toàn huyện có 4 con sông lớn và 98 con suối nhỏ phân bố khá đồng đều, tạo điều kiện thuận lợi cho tưới tiêu và có thể kết hợp làm các công trình thủy lợi nhỏ và thủy điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Đặc điểm suối ở đây là lòng hẹp, dốc, kết hợp với lượng mưa lớn, tập trung, độ che phủ của thảm thực vật thấp nên thường gây lũ đột ngột ảnh hưởng đến sản xuất và đi lại trong mùa mưa.



## 2.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội

### 2.1.2.1. Dân số và lao động

Toàn huyện có 135.951 nhân khẩu, 58.050 lao động chiếm 42,70% tổng dân số. Sinh sống trên 206 thôn bản, mật độ dân số bình quân là 83 người/km<sup>2</sup>.

Dân cư phân bố không đều, nơi tập trung dân cư là các thị trấn, vùng lâm trường và ven các đường quốc lộ số 2 và 219. Tốc độ tăng dân số còn khá cao năm 2000 là 1,8%. Nếu năm 2003 hạ được tỷ lệ dân số xuống còn 1,5% thì mỗi năm cũng tăng thêm từ 750-800 lao động. Bắc Quang là một huyện nông nghiệp hầu hết lao động là lao động nông lâm nghiệp. Số hoạt động trong các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ cũng chủ yếu là phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

**Bảng 03. Phân bố lao động trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2003  
phân theo địa bàn cư trú và ngành nghề sản xuất**

(Đơn vị tính: LĐ)

Địa bàn cư trú	Tổng số	Ngành nghề		
		Các ngành SX nông lâm ngư nghiệp	Các ngành dịch vụ và TCN	Các ngành KTQD khác và quản lý Nhà nước
Khu vực thị trấn	4.042	-	1.701	2.341
Khu vực nông thôn	54.008	53.101	725	182
Tổng cộng	58.050	53.101	2.426	2.523

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Bắc Quang)

Thực trạng cơ cấu phân bố lao động trên địa bàn huyện đã đặt ra một thách thức trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như sự chuyển dịch lao động để tạo ra một cơ cấu nông – công nghiệp và dịch vụ theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa. Sẽ hết sức khó khăn nếu như không có những bước nhảy vọt về đầu tư và tạo ra những vùng chuyên canh, vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp.

Về cơ cấu lao động, lao động nông lâm nghiệp chiếm 87,5%, công nghiệp xây dựng 1,4% các ngành nghề khác 11,1% tổng số lao động xã hội



Về chất lượng lao động nông thôn, bên cạnh những đồng bào Tày, Nùng, Dao, H'mông có kinh nghiệm trồng trọt lâu đời, còn có lực lượng lớn đồng bào người Kinh miền xuôi ở Nam Định, Hải Dương, Thái Bình....đã định cư ở đây hàng chục năm. Họ rất năng động và nhạy bén với cái mới, dễ dàng tiếp thu khoa học kỹ thuật đặc biệt trong cơ chế thị trường hiện nay, họ thường là những người đi đầu trong việc đổi mới cơ cấu sản xuất hướng tới sự phát triển.

Tiểu vùng I, III và IV có số lượng dân tộc Kinh, Tày và Dao là đông hơn cả. Chính ở các tiểu vùng này có sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng hàng hoá nhanh hơn các vùng khác, số lượng cây ăn quả ở đây cũng số lớn.

**Bảng 04. Tình hình dân số và lao động của huyện Bắc Quang năm 2003**

Chỉ tiêu	Số hộ	Số nhân khẩu	Số lao động	Số nhân khẩu chia theo thành phần dân tộc							
				Kinh	Tày	Dao	H'mông	La chí	Nùng	Nà thán	DT khác
<b>Toàn huyện</b>	<b>25.322</b>	<b>135.951</b>	<b>58.050</b>	<b>28.007</b>	<b>69.877</b>	<b>16.992</b>	<b>7.401</b>	<b>2.331</b>	<b>4.568</b>	<b>4.069</b>	<b>1.543</b>
1. Tiểu vùng I	8.052	39.641	17.473	16.736	18.700	2.099	25	326	756	-	644
2. Tiểu vùng II	4.431	25.734	10.104	1.443	14.040	3.083	3.937	-	2.105	151	730
3. Tiểu vùng III	8.466	40.821	19.830	7.199	22.096	3.639	1.880	1.303	1.053	3.290	73
4. Tiểu vùng IV	2.675	14.240	6.421	1.931	6.350	4.777	148	-	665	-	174
5. Tiểu vùng V	1.758	9.203	4.221	750	2.210	3.151	1.491	702	179	628	11

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Bắc Quang)



### **2.1.2.2. Cơ sở hạ tầng**

Cơ sở hạ tầng phát triển là điều kiện vật chất quan trọng phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế cũng như nâng cao phúc lợi của dân cư nông thôn. Cơ sở hạ tầng nông thôn gồm nhiều hợp phần như giao thông, thủy lợi, hệ thống thông tin, điện, trường học, trạm y tế, chợ.

#### *a/ Giao thông*

Mạng lưới giao thông của Bắc Quang bao gồm cả đường bộ và đường sông.

- Quốc lộ 2 là tuyến đường giao thông huyết mạch của huyện chạy dọc theo hướng Bắc Nam từ Vĩnh Tuy đến Tân Thành nối liền Bắc Quang với huyện Vị Xuyên, thị xã Hà Giang với các tỉnh bạn như Tuyên Quang, Phú Thọ... và Thủ đô Hà Nội.

- Quốc lộ 274 chạy qua các xã Yên Bình, Tân Trịnh, thị trấn Việt Quang, xã Quang Minh, Liên Hiệp, là trục giao thông nối liền từ Tây sang Đông huyện.

- Đường tỉnh lộ có 4 tuyến với tổng chiều dài là 87 km (Tân Quang – Km 7 của đường Bắc Quang – Kim Mẫu; Bắc Há - Hữu Sản; Vĩnh Tuy – Xuân Giang; Yên Bình – Tân Nam).

- Đường liên xã với tổng chiều dài trên 200 km. Hiện nay đã có 29/31 xã có đường ô tô đến xã trong đó 27/31 xã là giao thông thường xuyên có ô tô. Tuy nhiên ở một số xã do chưa làm tốt công tác duy tu, sửa chữa, mặt khác do hạn chế về kinh phí, các công trình giao thông xây dựng không hoàn chỉnh, hệ thống cầu cống, rãnh thoát nước chưa đồng bộ nên về mùa mưa lũ đường xuống cấp, việc ách tắc giao thông từ huyện xuống xã vẫn xảy ra.

- Các tuyến đường dân sinh liên thôn bản có chiều dài 300 km, chủ yếu là đường đất, di lại vận chuyển gặp nhiều khó khăn nhất là về mùa mưa.

- Đường sông: Vì mạng lưới sông suối nhiều, tiềm năng giao thông thủy ở Bắc Quang rất đáng kể trong đó lớn nhất là sông Lô và sông Con. tuy nhiên phương tiện giao thông đường sông còn rất hạn chế, chủ yếu là phương tiện thô sơ (bè, mảng). Toàn huyện chỉ có 9 thuyền Cole chở khách và 2 doanh nghiệp vận tải tư nhân.

*b/ Điện*

Những nguồn điện chính được sử dụng tại huyện Bắc Quang hiện nay là: Điện lưới quốc gia, thủy điện nhỏ và máy phát. Có 1 thị trấn và 8 xã sử dụng nguồn điện lưới quốc gia (thị trấn Việt Quang, Việt Vinh, Tân Quang, Quang Minh, Đông Yên, Hùng An, Vĩnh Hảo, Vĩnh Phúc) với tổng lượng điện phát ra là 2.470.000 KW/ giờ trong đó tổng lượng điện thương phẩm là 2.380.000 KW/giờ.

Tổng số hộ dùng điện là 12.360 hộ chiếm 48.7% tổng số hộ toàn huyện trong đó sử dụng điện lưới quốc gia 8.054 hộ, thủy điện nhỏ là 4.170 hộ và máy phát là 136 hộ.

Hệ thống đường dây hạ thế có tổng chiều dài 35 km, chủ yếu là các hộ sử dụng điện trong sinh hoạt. Điện công nghiệp chỉ mới được sử dụng ở một số cơ sở chế biến lâm sản, trạm bơm và nông trường.

Nhìn chung để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nâng cao đời sống của nhân dân thì Bắc Quang cần tập trung và kêu gọi sự hỗ trợ để đầu tư cho hệ thống điện của huyện.

*c/ Thông tin*

Trong nền kinh tế thị trường, người nông dân cần có thông tin kinh tế chính xác từ đó đưa ra các quyết định về sản xuất kinh doanh. Nhận thức được điều này, huyện Bắc Quang đã phát triển hệ thống thông tin liên lạc đến toàn bộ tất cả các xã, thị trấn trong toàn huyện. Đến nay hệ thống bưu điện đã phục vụ được gần 70% dân cư. Tất cả các xã đều có điện thoại, mạng lưới truyền thanh Trung ương cũng được phủ sóng tại hầu hết các xã. Tồn tại cơ bản là cơ sở vật chất kỹ thuật còn đơn giản, lượng thông tin cung cấp cho nhân dân trong huyện còn ít, chất lượng thông tin còn chưa cao, đặc biệt là còn những xóm, thôn chưa có điện.

*d/ Thủy lợi*

Hệ thống thủy lợi được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu trong tăng năng suất phần lớn các loại cây trồng, tăng hệ số sử dụng đất, thoát nước vào mùa mưa, cung cấp nước vào mùa khô... Trong những năm qua, công tác thủy



lợi đã liên tục phát triển. Đến nay, huyện đã nâng cấp và xây dựng mới được nhiều công trình lớn, vừa và nhỏ. Toàn huyện có 299 công trình trung và tiểu thủy nông trong đó có 19 hồ đập, 27 khai mương, 1 trạm bơm điện, 242 đập dâng và một trạm thủy điện kết hợp thủy nông. Diện tích tưới vụ xuân 3.120 ha, vụ mùa 6.735 ha.

Phần lớn các công trình là tạm thời, do xây dựng đã lâu nên hư hại nhiều, năng lực tưới thấp so với thiết kế.

Để đáp ứng nhu cầu tăng vụ và mở rộng diện tích cần phải có vốn đầu tư lớn từ ngân sách để nâng cấp và sửa chữa trong thời gian tới.

### **2.1.2.3. Văn hoá, giáo dục, y tế**

Kinh tế và xã hội là hai mặt của một nền kinh tế nói chung, nếu như phát triển kinh tế mà không phát triển xã hội thì cũng không thể phát triển bền vững được. Do vậy, phát triển nông nghiệp nông thôn phải gắn liền với phát triển xã hội- văn hoá, giáo dục và y tế.

#### *a/ Giáo dục*

- Toàn huyện có 9 trường mầm non liên hợp và 46 đơn vị lẻ gắn với trường phổ thông. Số xã có nhà trẻ, mẫu giáo là 25/31 xã. Số cháu đi nhà trẻ đạt 26,7% và đi mẫu giáo là 56,4%.

- Toàn huyện có 27 trường tiểu học, 8 trường trung học, 2 trường cấp 3, 18 trường phổ thông cơ sở. Có 98% số em trong độ tuổi đã đến trường đi học.

- Có hai trường giáo dục thường xuyên và 1 trường phổ thông dân tộc nội trú với 19 lớp 640 học viên.

Bắc Quang đã đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 1997.

Song chất lượng giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn hóa còn lớn (ngành mầm non là 90%, tiểu học 47% và trung học là 70%), điều kiện trường lớp chưa đảm bảo những điều kiện thiết yếu cho dạy và học, phòng học, phòng ở cho giáo viên hầu hết còn tranh tre lúa lá, tình trạng dạy chay, học chay còn khá phổ biến.

*b/ Y tế*

Toàn huyện có 1 bệnh viện 4 phòng khám đa khoa, 1 trung tâm kế hoạch hóa gia đình, 29 trạm y tế cơ sở với 120 giường bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế gồm 225 người trong đó có 70 y bác sĩ, 95 y tá và kỹ thuật viên, 21/29 trạm y tế đã được xây dựng kiên cố.

Hàng năm, ngành y tế đã khám bệnh cho hơn 40 ngàn lượt người và chữa bệnh cho gần 6 ngàn người; điều trị cho hơn 400 người bị bệnh bướu cổ, trên 2 ngàn người bị sốt rét. Chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện tốt.

Tuy nhiên, các cơ sở vật chất và thiết bị y tế còn nghèo nàn, đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn còn thiếu, trình độ giác ngộ của người dân nhất là vùng sâu, vùng xa còn thấp....nên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao trên 1,5%/năm.

**2.1.2.4. Tình hình phát triển kinh tế**

Bắc Quang là một huyện đang ở thời kỳ bắt đầu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp vẫn còn cao, ngành xây dựng công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng rất thấp. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thu nhập quốc dân (GDP) đầu người thấp và đồng thời cũng là một trong những khó khăn và thách thức đối với chủ trương chuyển mạnh nền kinh tế huyện Bắc Quang sang cơ cấu kinh tế nông lâm - công nghiệp - dịch vụ tiên tiến, hiện đại.

Đối với ngành sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng, Bắc Quang chỉ mới có chuyển biến bước đầu trên một số lĩnh vực như đổi mới công nghệ chế biến chè xanh, sản xuất bia hơi, vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản (đũa xuất khẩu, gỗ xẻ xây dựng cơ bản, tinh dầu gù hương, nguyên liệu giấy...). Quy mô sản xuất còn nhỏ bé, trình độ công nghệ thấp, thiết bị còn lạc hậu, chưa gắn với nguồn nguyên liệu, chất lượng mẫu mã sản phẩm chưa thu hút được người tiêu dùng.

Các thế mạnh của huyện Bắc Quang trong sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như chế biến nông lâm sản (màu lương thực) có số lượng lớn nhưng chưa có công nghiệp chế biến, chè xanh có khối lượng lớn nhưng giá trị



sản xuất chế biến cũng chỉ mới ở mức 12.137,98 triệu đồng, sản xuất vật liệu xây dựng chưa được đầu tư phát triển.

**Bảng 05. Giá trị sản xuất công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp và Xây dựng cơ bản của huyện Bắc Quang**

<u>Chỉ tiêu</u>	Năm 2002		Năm 2003		2003/ 2002 (%)
	Số lượng (Triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Số lượng (Triệu đồng)	Cơ cấu (%)	
<b>1. Sản xuất CN và XD CB</b>	<b>40.210,30</b>	<b>84,02</b>	<b>43.990,07</b>	<b>84,10</b>	<b>109,40</b>
- Quốc doanh	31.635,50	78,68	34.229,61	77,81	108,20
- Ngoài quốc doanh	8.574,80	21,32	9.760,46	22,19	113,83
<b>2. SX tiểu thủ C. nghiệp</b>	<b>7.649,37</b>	<b>15,98</b>	<b>8.314,87</b>	<b>15,90</b>	<b>108,70</b>
- TCN hợp tác xã	148,15	1,94	159,41	1,92	107,60
- TCN tư nhân	7.501,22	98,06	8.155,46	98,08	108,72
<b>Tổng giá trị SX CN và TTCN</b>	<b>47859,67</b>	<b>100,00</b>	<b>52304,93</b>	<b>100,00</b>	<b>109,29</b>

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Bắc Quang)

Giá trị của sản xuất công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản năm 2003 so với năm 2002 tăng 9,4%. Trong đó, sản xuất ngoài quốc doanh tăng nhanh với tốc độ 13,83% tăng nhanh hơn so với sản xuất quốc doanh với tốc độ 8,20%. Tuy sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản ngoài quốc doanh tăng chậm nhưng giữ vai trò chủ đạo chiếm đại bộ phận giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản, năm 2002, nó chiếm đến 84,02% năm 2003 chiếm 84,1% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản của toàn huyện.

Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 2003 so với 2002 tăng 8,7%. Tiểu thủ công nghiệp tư nhân chiếm đại bộ phận trong giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp với 98,06% năm 2002, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp của các hợp tác xã thủ công nghiệp còn rất nhỏ bé.

Hoạt động thương mại và dịch vụ có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng trên hầu hết các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, thương nghiệp, bưu

điện và y tế....ở cả hai thành phần quốc doanh và ngoài quốc doanh. Mạng lưới thương mại dịch vụ đã dần thích ứng với cơ chế thị trường, đã đóng góp vào sự ổn định và phát triển kinh tế huyện Bắc Quang.

Ngành dịch vụ tăng trưởng tương đối mạnh, năm 2002 tổng giá trị vật chất mà ngành dịch vụ sản xuất ra là 79.764,22 triệu đồng chiếm 23,84% tổng giá trị sản xuất. Năm 2003, tổng giá trị sản xuất dịch vụ đã đạt 89.335,93 triệu đồng chiếm 24,6% Tổng giá trị sản xuất so với năm 2002 đã tăng thêm 12% về giá trị sản xuất.

Tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế trên địa bàn huyện Bắc Quang vẫn tăng hàng năm về số lượng, tốc độ tăng bình quân năm 2003/2002 là 8,5%. Đáng chú ý là tỷ trọng nông lâm nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất giảm từ 61,12% năm 2002 xuống 60,1% năm 2002.

Tổng giá trị sản xuất tăng nhờ tăng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản. Các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ có số lượng giá trị còn quá nhỏ bé (mới bằng 1/4 giá trị sản xuất nông lâm thủy sản).

**Bảng 06. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế huyện Bắc Quang**

Chỉ tiêu	Năm 2002		Năm 2003		2003/2002 (%)
	Tổng số (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	Tổng số (triệu đồng)	Cơ cấu (%)	
<b>Tổng giá trị SX</b>	<b>334.641,43</b>	<b>100,00</b>	<b>363.102,78</b>	<b>100,00</b>	<b>108,50</b>
1. Nông lâm thủy sản	204.519,80	61,12	218.222,63	60,10	106,70
2. CN,TCN và XD	50.357,41	15,05	55.544,22	15,30	110,30
3. Dịch vụ	79.764,22	23,84	89.335,93	24,60	112,00

(Nguồn: Phòng Thống kê huyện Bắc Quang)

## 2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.2.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng, môn khoa học này trang bị cho chúng ta thế giới quan khoa học, đó là các quan điểm duy vật biện chứng.



- Mọi sự vật, hiện tượng không tồn tại một cách cô lập, tách rời mà chúng tồn tại trong mối liên hệ phổ biến với các hiện tượng sự vật xung quanh. Sự phát triển của kinh tế trang trại có liên quan tới nhiều yếu tố như điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán, trình độ văn hoá, các chính sách của nhà nước, các tổ chức và các cơ quan hữu quan như Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngân hàng, trung tâm khuyến nông, trường đại học, các thương nhân,...

- Mâu thuẫn bên trong quyết định sự phát triển của sự vật hiện tượng, nhưng hoàn cảnh bên ngoài là tiền đề quan trọng không thể thiếu được. Một trang trại muốn phát triển được, trước hết phải có môi trường thuận lợi, trong đó các tiền đề về chính sách là quan trọng nhất, các tiền đề về thị trường tiêu thụ, thị trường lao động, độ màu mỡ của đất đai, nguồn nước... Tuy nhiên, cái quyết định cho sự thành công của một trang trại là trình độ của bản thân chủ trang trại: trình độ thu nhận thông tin, xử lý thông tin và ra quyết định. Đó là các quyết định về phương hướng sản xuất, các quyết định về tổ chức sản xuất và các quyết định về tiêu thụ sản phẩm.

### **2.2.2. Các phương pháp nghiên cứu.**

#### **2.2.2.1. Phương pháp điều tra thu thập thông tin**

- Điều tra thông tin thứ cấp: ghi chép lại thông tin thứ cấp từ các báo cáo, chứng từ, sổ sách của cán bộ thống kê, cán bộ dân số, cán bộ thuỷ lợi, cán bộ địa chính sách báo... Các thông tin thứ cấp được thu thập trong đề tài này là những thông tin liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của huyện như: khí hậu, đất đai, dân số...

- Điều tra thông tin sơ cấp thông qua phương pháp Phỏng vấn bằng bảng câu hỏi được lập sẵn

+ Chọn vùng nghiên cứu: Đề tài chọn huyện Bắc Quang làm địa điểm nghiên cứu. Bởi vì, Bắc Quang là một trong các huyện hiện có nhiều trang trại nhất tỉnh và cũng là huyện có tiềm năng lớn để phát triển trang trại.

+ Chọn trang trại điều tra: Tất cả 45 trang trại thuộc huyện Bắc Quang được chọn để nghiên cứu. Đây là các trang trại có đầy đủ các tiêu chuẩn do Nhà nước quy định.

+ Phiếu điều tra để điều tra từng trang trại đã được chuẩn bị từ trước gồm các nội dung :

\* Những thông tin về tình hình cơ bản của trang trại: Họ tên, tuổi, dân tộc, giới tính, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật, loại hình trang trại, năm thành lập, số khẩu, số lao động, diện tích đất đai, vốn sản xuất, tình hình trang bị tư liệu sản xuất.

\* Những thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại như: Các yếu tố sản xuất vốn, kỹ thuật, lao động. Tình hình các khoản chi phí, các khoản thu cả hiện vật và giá trị.

\* Những thông tin về ý kiến, nguyện vọng, nhu cầu, thuận lợi, khó khăn của chủ trang trại. Sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, của nhân dân với vấn đề trang trại, các chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế trang trại.

+ Phỏng vấn trực tiếp chủ trang trại: Sau khi phát phiếu điều tra tiến hành phỏng vấn trực tiếp chủ trang trại theo các nội dung của phiếu điều tra, và các vấn đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài.

#### **2.2.2.2. Phương pháp xử lý thông tin**

Đối với những thông tin thông qua tiếp xúc, nói chuyện với các chủ trang trại và cán bộ xã chủ yếu được xử lý bằng tay, vì những thông tin này không phức tạp

Đối với những thông tin liên quan đến năng suất, sản lượng để tính thu nhập, chi phí, hiệu quả thì được tổng hợp, xử lý trên máy vi tính bằng phần mềm EXCEL để đảm bảo chính xác và tính hiệu quả cao.



### 3.2.2.3. Phương pháp phân tích thông tin

- *Phương pháp phân tổ*: Phân tổ là phân chia các đơn vị điều tra vào các tổ (và các tiểu tổ) theo các khoảng cách tổ đã được định sẵn. Sử dụng phương pháp phân tổ để tìm ra xu hướng tác động của các yếu tố nguyên nhân đến yếu tố kết quả.

Mỗi tổ sẽ bao gồm các đơn vị điều tra có cùng chung một tính chất theo tiêu thức phân tổ nào đó. Khoảng cách tổ là độ rộng của các tổ. Trong luận văn, các tiêu thức dùng để phân tổ là: quy mô diện tích, loại hình sản xuất, giá trị gia tăng.

Sau khi phân chia các đơn vị tổng thể vào các tổ, ta sẽ tính ra giá trị bình quân của các tiêu thức kết quả hay hiệu quả kinh doanh. So sánh các giá trị bình quân này, sẽ thấy được ảnh hưởng biến động của tiêu thức phân tổ tới sự thay đổi trong giá trị của tiêu thức kết quả. Để kiểm định độ tin cậy thống kê của sự thay đổi này, trong trường hợp số đơn vị tổng thể của một hoặc cả hai tổ  $\leq 30$ , ta có thể dùng kiểm định t (t-Test). Tham số t dùng để kiểm định (the test statistic t) được tính theo công thức:

$$t = \frac{(\bar{x}_1 - \bar{x}_2) - (\mu_1 - \mu_2)}{\sqrt{s_p^2 \left( \frac{1}{n_1} + \frac{1}{n_2} \right)}}$$

$$s_p^2 = \frac{(n_1 - 1)s_1^2 + (n_2 - 1)s_2^2}{n_1 + n_2 - 2}$$

$$s_1 = \sqrt{\frac{\sum (x_i - \bar{x}_1)^2}{n_1 - 1}}, \quad s_2 = \sqrt{\frac{\sum (x_i - \bar{x}_2)^2}{n_2 - 1}}$$

Trong đó:

$\bar{x}_1, \bar{x}_2$  là số bình quân của tổ 1 và tổ 2,

$\mu_1, \mu_2$  là kỳ vọng toán của tất cả các đơn vị của tổng thể chung với các lượng biến như của tổ 1 và tổ 2,

$n_1$  và  $n_2$  là số đơn vị của tổ 1 và tổ 2,

$s_1$  và  $s_2$  là độ lệch tiêu chuẩn của tổ 1 và tổ 2.

Kiểm định thực hiện như sau:

$$H_0: (\mu_1 - \mu_2) = 0$$

$$H_1: (\mu_1 - \mu_2) \neq 0$$

Bác bỏ  $H_0$  nếu  $|t| > t_{0,1;n_1+n_2-2}$

$t_{0,1;n_1+n_2-2}$  được tra trong bảng t.

Phương pháp phân tổ giúp ta xác định được xu hướng thay đổi các tiêu thức kết quả do tiêu thức nguyên nhân gây ra chứ không lượng hoá được mức độ ảnh hưởng của từng tiêu thức nguyên nhân đến sự biến động của tiêu thức kết quả. Chẳng hạn, khi chủ trang trại có trình độ học vấn tăng thêm một năm học tập thì giá trị sản gia tăng của trang trại tăng thêm bao nhiêu đồng hay khi chủ trang trại học qua lớp quản lý kinh tế trang trại thì giá trị gia tăng sẽ tăng lên bao nhiêu so với khi chưa được học các lớp tập huấn này?

Bên cạnh đó, phương pháp phân tổ không trực tiếp đưa ra (muốn có, ta phải tự tính toán) các thông tin để kiểm định được độ tin cậy thống kê về sự khác nhau về giá trị của tiêu thức kết quả giữa các tổ, tức là kiểm định độ tin cậy thống kê về ảnh hưởng của từng tiêu thức nguyên nhân đến sự biến động của tiêu thức kết quả.

Hàm hồi quy có thể giúp khắc phục được các nhược điểm trên đây của phương pháp phân tổ. Do vậy, trong khi nghiên cứu kinh tế người ta dùng phổ biến các hàm hồi quy, đặc biệt là hàm sản xuất dạng Cobb- Douglas để nghiên cứu sự ảnh hưởng của những tiêu thức nguyên nhân đến tiêu thức kết quả.

- Hàm sản xuất Cobb – Douglas (hàm CD)

**Khái niệm hàm sản xuất:**

"Hàm sản xuất là hàm biểu diễn sự phụ thuộc của kết quả sản xuất kinh doanh đối với các yếu tố chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất".

Hàm sản xuất có dạng:

$$Y = f(x_1, x_2, \dots, x_n, D_1, D_2, \dots, D_j, \dots, D_m);$$

Trong đó: Y là yếu tố kết quả sản xuất (Biến phụ thuộc).



$x_i$  Là các yếu tố nguyên nhân, hay mức đầu tư các yếu tố sản xuất đầu vào (Biến độc lập).

$D_j$  là các biến giả định,  $D_j$  thường nhận các giá trị là 0 hoặc 1 (và cũng là biến độc lập).

Hàm sản xuất Cobb-Douglas có dạng:

$$Y = a_0 * x_1^{a_1} \dots * x_i^{a_i} \dots * x_n^{a_n} \cdot e^{b_1 D_1} \dots e^{b_2 D_2} \dots e^{b_m D_m} (1)$$

Trong đó  $Y$ ,  $x_i$ ,  $D_j$  đã được định nghĩa ở trên.

Hàm sản xuất Cobb - Douglas được gọi theo tên của nhà kinh tế P.H.Douglas và nhà thống kê C.W.Cobb trong công trình nghiên cứu về kinh tế Mỹ từ 1899 đến 1922. Hai ông đã tìm ra hàm số sản xuất của nền kinh tế Mỹ trong giai đoạn đó là:

$$Q = K^{0.75} L^{0.25}$$

Trong đó:

K: Vốn kỹ thuật.

L: Lao động

*Hàm sản xuất CD có những ưu điểm sau:*

- Phù hợp với lý thuyết kinh tế về quy luật đầu tư thâm canh.
- Tính toán đơn giản vì có thể chuyển về dạng tuyến tính đơn bằng cách

Logarit hoá hai vế của (1) như sau:

$$\ln Y = \ln a_0 + a_1 \ln x_1 + a_2 \ln x_2 \dots + a_n \ln x_n + b_1 D_1 + b_2 D_2 + \dots + b_m D_m$$

Bài toán CD có thể được giải nhờ ứng dụng phần mềm EXCEL nhanh và chính xác.

Sử dụng bài toán CD, để hỗ trợ cho phương pháp phân tổ, vì bài toán CD vừa có thể tìm ra xu hướng tác động của các yếu tố đầu tư sản xuất và lượng hoá được sự tác động đó, hơn nữa bài toán CD kiểm định được độ tin cậy của các đại lượng thống kê trong bài toán thông qua các hệ thống chỉ số do bài toán cung cấp.

***Phân tích kết quả bài toán:***

***Multiple R:*** Hệ số tương quan bội cho thấy trình độ chặt chẽ của mối liên hệ tương quan bội ( $0 \leq R \leq 1$ ),

**R Square ( $R^2$ )** Hệ số xác định: Cho biết bao nhiêu phần trăm sự biến động của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập đã được bao gồm trong loại hình.

**Observation:** Số đơn vị mẫu được đưa vào nghiên cứu.

**F – stat:** Tiêu chuẩn F dùng làm căn cứ để kiểm định độ tin cậy về mặt khoa học (Thống kê) của toàn bộ phương trình hồi quy. Bài toán đủ ý nghĩa thống kê khi  $F > F_{\alpha}$ .

**Regression Coefficients ( $a_i$  hoặc  $b_j$ ):** Các hệ số hồi quy  $a_i$  ( $i=1, 2, \dots, n$ ) nói lên % thay đổi của Y khi  $X_i$  tăng thêm 1%, khi giả thiết các yếu tố khác không đổi, Đó chính là độ co giãn của sản lượng theo yếu tố sản xuất có hệ số hồi quy  $a_i$ . Các hệ số hồi quy  $b_j$  ( $j=1, 2, \dots, m$ ) nói lên ảnh hưởng cụ thể của các biến thuộc tính khi nó thực sự xảy ra trên thực tế.

**T – stat:** Tiêu chuẩn T dùng làm căn cứ để kiểm định độ tin cậy về mặt khoa học (thống kê) của độ co giãn  $a_i$  ( $i=1, 2, \dots, n$ ) tức là mối liên hệ giữa  $X_i$  và Y.

**P – Value:** Xác suất để  $t > t\text{-stat}$ , dùng để kiểm định độ tin cậy về mặt khoa học (thống kê) của độ co giãn  $a_i$  ( $i=1, 2, \dots, n$ ) của Y theo  $X_i$ , hoặc của hệ số hồi quy  $b_j$  ( $j=1, 2, \dots, m$ )

(1- P value) là độ tin cậy về mặt khoa học (thống kê) của việc ước lượng độ co giãn biểu hiện mối liên hệ của Y theo  $X_i$

*Quy trình ước lượng hàm sản xuất CD bằng phần mềm EXCEL*

Bước 1: Nhập số liệu Y,  $X_1, \dots, X_i, \dots, X_n$

Bước 2: Tính  $\ln Y, \ln X_1, \dots, \ln X_i, \dots, \ln X_n$

Bước 3: Chọn Tools trên thanh Menu của Worksheet

Bước 4: Chọn Regression sau đó chọn OK, hộp thoại Regression sẽ xuất hiện

Bước 5: Trong hộp thoại Regression:

- Chọn Input Range:

Input Y Range: khai báo vùng dữ liệu cho biến phụ thuộc Y

Input X Range: khai báo vùng dữ liệu cho các biến độc lập X



- Chọn Output Options:

Output Range: khai báo vùng kết quả xuất hiện

Cuối cùng bấm OK.

- *Phương pháp hạch toán kinh tế*: Đây là công việc không thể thiếu đối với bất kỳ một trang trại nào, qua hạch toán kinh tế sẽ cho thấy được trang trại đó sản xuất có đem lại hiệu quả không từ đó giúp trang trại xây dựng được kế hoạch sản xuất trong thời gian tới. Phương pháp được sử dụng để tính toán chi phí sản xuất và kết quả sản xuất từ đó sẽ tính được giá trị gia tăng của trang trại trong thời gian một năm.

### 2.2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu, phân tích

Hệ thống chỉ tiêu bắt nguồn từ bản chất của hiệu quả đó là mối quan hệ giữa các yếu tố đầu vào, đầu ra hay là sự so sánh giữa kết quả thu được và chi phí bỏ ra.

Hệ thống chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp rất đa dạng và phong phú và gắn liền với các quy luật sinh học. Vì thế, đánh giá hiệu quả kinh tế rất phức tạp đòi hỏi nhiều chỉ tiêu mới thể hiện được các khía cạnh của hiệu quả kinh tế. Hệ thống chỉ tiêu phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính thống nhất với hệ thống chỉ tiêu của nền kinh tế quốc dân
- Đảm bảo tính khoa học, tức có các chỉ tiêu tổng quát, chỉ tiêu bộ phận nhìn hệ thống ở nhiều khía cạnh kinh tế, dễ hiểu, dễ áp dụng.
- Phù hợp với đặc điểm và trình độ của nền nông nghiệp nước ta.
- Phù hợp với các chỉ tiêu đánh giá của quốc tế để khi so sánh trong quan hệ đối ngoại được thuận lợi.

Hệ thống chỉ tiêu theo hệ thống tài khoản quốc gia SNA (System of National Accounts)

#### \* *Các chỉ tiêu mức đầu tư*

*Chi phí trung gian*: IC (Intermediate Cost): là toàn bộ chi phí vật chất thường xuyên và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất như các khoản chi phí: giống, phân bón, thuốc trừ sâu, tiền thuê bảo vệ,...

$$IC = \sum_{i=1}^n C_i$$

Trong đó:  $C_i$  : Khoản chi phí thứ  $i$

Chi phí trên đơn vị diện tích

Chỉ tiêu này cho thấy mức độ đầu tư của trang trại trên một đơn vị diện tích là bao nhiêu. Chỉ tiêu này được tính như sau:

= Chi phí trung gian/diện tích

**\* Các kết quả chỉ tiêu kết quả sản xuất**

*Giá trị sản xuất*: GO (Gross output) : là toàn bộ của cải vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thường là 1 năm). Đây là tổng thu của trang trại.

$$GO = \sum_{i=1}^n P_i Q_i$$

Trong đó:  $P_i$  là giá trị sản phẩm thứ  $i$

$Q_i$  là sản phẩm thứ  $i$

*Giá trị gia tăng*: VA (Value Added) là chênh lệch giữa GO và IC, phản ánh phần giá trị mới tăng thêm do kết quả hoạt động sản xuất của trang trại trong một kỳ (thường là 1 năm). Giá trị gia tăng được tính theo công thức:

$$VA = GO - IC$$

Hay  $VA = V + M + C_f$

$C_f$ : Giá trị hoàn vốn cố định (khấu hao TSCĐ)

$V$ : Chi phí lao động

$M$ : Giá trị thặng dư

*Giá trị sản phẩm hàng hoá*: Là toàn bộ giá trị của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ mà trang trại đã tạo ra để cung cấp cho nhu cầu xã hội.

Đây là chỉ tiêu nói lên quy mô sản xuất hàng hoá của trang trại, mức độ tham gia thị trường của trang trại.

$$GTSPHH = \sum P_{HH} \cdot Q_{HH}$$



$$\text{Tỷ suất hàng hoá} = \frac{GTSPHH}{GO} . 100$$

Phản ánh mức độ tham gia vào thị trường của trang trại.

**\* Các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất**

**Năng suất lao động**

Là chỉ tiêu phản ánh giá trị sản xuất được tạo ra do một lao động trong một năm. Chỉ tiêu này cho thấy một lao động trong một năm sử dụng bao nhiêu đồng giá trị sản xuất để tạo ra thu nhập. Cách tính chỉ tiêu này như sau:

$$\text{Năng suất lao động} = GO / L\text{Đ} \text{ hoặc } VA / L\text{Đ}$$

**Sức sản xuất của 1đ chi phí trung gian**

Chỉ tiêu này phản ánh với mức độ đầu tư 1 đồng chi phí thì tạo ra giá trị sản xuất là bao nhiêu lần. Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Tỷ suất giá trị sản xuất} = VA / IC$$

### CHƯƠNG III

## THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN BẮC QUANG

### 3.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN BẮC QUANG

#### 3.1.1. Quy mô diện tích của các trang trại điều tra năm 2003

Để trở thành trang trại các hộ phải có quy mô đất đai và giá trị sản lượng hàng hoá đạt theo tiêu chí như trong văn bản số 69/TTLB/BNN- TCTK của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Tổng cục Thống kê.

Qua bảng 07 cho thấy: Với tổng số 45 trang trại được chọn tiến hành điều tra có quy mô diện tích bình quân 4,85 ha. Tuy vậy, diện tích trang trại phổ biến là nhỏ hơn 5 ha với 31 trang trại.

Tóm lại: Bình quân quỹ đất của trang trại huyện Bắc Quang có quy mô tương đối lớn, diện tích đất có quy mô lớn tập trung ở trang trại có trồng cây lâu năm hoặc cây lâm nghiệp. Các trang trại phần lớn thường phát triển theo hướng nông lâm kết hợp.

**Bảng 07. Quy mô diện tích của các trang trại điều tra**

STT	Diện tích một trang trại (Ha)	Số lượng (TT)	Tỉ lệ (%)	Diện tích bình quân (Ha)
1	<3ha	12	26,67	2,12
2	Từ 3 đến < 5ha	19	42,22	4,05
3	Từ 5 đến < 8 ha	9	20,00	6,47
4	≥ 8 ha	5	11,11	11,57
5	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	<b>100,00</b>	<b>4,85</b>

(Nguồn: Điều tra thực tế năm 2004)

#### 3.1.2. Thực trạng nhân khẩu và lao động của các trang trại

Theo kết quả điều tra, số lượng bình quân nhân khẩu một trang trại là 5,5 người, trong đó Loại hình kinh doanh tổng hợp có số bình quân nhân khẩu cao nhất 5,7 người.



Hiện nay, các trang trại thường sử dụng lao động tiềm năng ngay trong nội bộ gia đình, trong đó chủ trang trại là người lao động trực tiếp. Bình quân số lao động trong các trang trại đã quy đổi là 3,4 người trong đó Trang trại chăn nuôi có số lao động đã quy đổi cao nhất: 3,7 người.

Hầu hết các trang trại đều phải thuê lao động, số lượng lao động tùy thuộc vào quy mô trang trại lớn hay nhỏ cũng như tính chất các khâu công việc của trang trại. Các trang trại chủ yếu thuê lao động để thu hái chè, cây ăn quả, làm đất, chăm sóc, bảo vệ lúc đến thời vụ. Bình quân trong một năm trang trại thuê 226,7 công lao động, nhiều nhất là Trang trại kinh doanh tổng hợp với 315 công lao động/ năm. Phần lớn số lao động này là lao động địa phương.

**Bảng 08. Thực trạng nhân khẩu và lao động bình quân của trang trại**

(Tính bình quân cho một trang trại)

Loại hình Chỉ tiêu	ĐVT	Trang trại cây lâu năm	Trang trại Chăn nuôi	Trang trại Kinh doanh tổng hợp	Bình quân chung
<b>1. Tổng số nhân khẩu BQ</b>	Khẩu	5,5	5,4	5,7	5,5
a. Nhân khẩu nông nghiệp	Khẩu	4,9	5,4	5,1	5,1
b. Nhân khẩu phi nông nghiệp	Khẩu	0,6	-	0,6	0,4
<b>2. Lao động</b>					
a. LĐ gia đình quy đổi	LĐ	3,2	3,7	3,4	3,4
b. LĐ thuê bình quân /năm	Công	250,0	115,0	315,0	226,7
<b>3. Tuổi BQ của chủ trang trại</b>	Tuổi	48,7	50,8	47,5	49,0
<b>4. Văn hoá của chủ trang trại</b>					
a. Cấp I	%	9,5	33,3	16,7	19,8
b. Cấp II	%	66,7	66,7	61,1	64,8
c. Cấp III	%	33,3	-	22,2	18,5
<b>5. Trình độ chuyên môn chủ TT</b>					
a. Qua bồi dưỡng	%	23,8	33,3	44,4	33,9
b. Chưa qua bồi dưỡng	%	76,2	66,7	55,6	66,1
<b>6. Chủ TT là Cán bộ thôn, xã</b>	%	87,5	66,7	38,9	35,2

(Nguồn: Điều tra thực tế năm 2004)

Chủ trang trại có vị trí quyết định trong sự hình thành, phát triển và quản lý trang trại, quyết định thành công hay thất bại của trang trại. Chủ trang trại thường là chủ gia đình. Qua điều tra cho thấy, chủ trang trại thường là

những “lão nông tri điền”. Họ chẳng những có ý chí cao mà còn có trình độ hiểu biết nhất định về tổ chức quản lý và kinh doanh trang trại, biết cách tính toán để làm giàu chính đáng trong nền kinh tế thị trường. Đó còn là những nông dân tuổi đời còn trẻ, ham học hỏi. Tuy nhiên, phần lớn chủ trang trại chỉ được tham gia học tập thông qua các lớp tập huấn về kỹ thuật thông qua các chương trình của phòng NN & PTNT còn lại có 66,1% chủ trang trại chưa được qua bồi dưỡng đào tạo dài ngày.

Bên cạnh đó, các chủ trang trại còn nghiên cứu qua sách báo, đài phát thanh và qua vô tuyến, bằng các cuộc thăm quan người thật việc thật, nhằm tích lũy thêm kinh nghiệm trong sản xuất. Trước mắt, được bồi dưỡng về kỹ thuật và quản lý đối với họ đang là nhu cầu bức thiết.

### 3.1.3. Thực trạng sử dụng đất đai của các trang trại

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên của mỗi quốc gia, tùy vào từng ngành kinh tế mà đất đai có tầm quan trọng khác nhau. Trong nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế. Không có đất đai thì không có sản xuất nông nghiệp, vì vậy quy mô và trình độ phát triển sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất chặt chẽ vào tính chất và mức độ tập trung về đất đai cho sản xuất. Vì lẽ đó, ruộng đất không những là điều kiện trước hết phải có để tiến hành sản xuất, mà còn là nguồn năng lực sản xuất phải được khai thác đầy đủ.

Tìm hiểu thực trạng về kinh tế trang trại, ở huyện Bắc Quang trước hết chúng tôi tiến hành phân tích tình hình sử dụng đất đai của các trang trại.

Tổng diện tích đất tự nhiên bình quân một trang trại là 4,85 ha. Trong đó, lớn nhất là Loại hình kinh doanh tổng hợp với 6,14 ha, ít nhỏ là Trang trại chuyên chăn nuôi với 3,05 ha.

Đất đai dùng cho sản xuất nông nghiệp gồm nhiều loại, trong đó đất lâm nghiệp chiếm tỉ lệ lớn: trung bình là 47,66%, loại hình chăn nuôi chiếm tỷ lệ đất nông nghiệp trong tổng quỹ đất cao nhất so với các trang trại khác bình quân là 69,85%. Đối với loại hình trồng cây lâu năm, chủ yếu họ tập trung vào trồng các loại cây ăn quả như cam, nhãn chứ ít đầu tư vào trồng rừng. Ngược lại loại hình kinh doanh tổng hợp, dựa vào lợi thế về đất lâm nghiệp (trung bình 3,9 ha/Trang trại) để trồng rừng, chăn nuôi gia súc và đại gia súc.



**Bảng 09. Tình hình sử dụng đất đai của các trang trại điều tra**

TT	Loại đất	Diện tích bình quân (ha/tt)	Tỷ lệ (%)	Các loại hình trang trại					
				Cây lâu năm		Chăn nuôi		Kinh doanh tổng hợp	
				DT (ha)	(%)	DT (ha)	(%)	DT (ha)	(%)
	<b>Số trang trại</b>	<b>45</b>		<b>21</b>		<b>6</b>		<b>18</b>	
<b>I.</b>	<b>DT đất nông nghiệp</b>	<b>2,31</b>	<b>47,66</b>	<b>2,90</b>	<b>67,84</b>	<b>2,13</b>	<b>69,85</b>	<b>1,69</b>	<b>27,60</b>
	- DT Lúa	0,37	16,09	0,25	8,72	0,88	41,35	0,34	20,21
	- DT chè	0,59	25,47	0,38	13,07	0,80	37,48	0,77	45,17
	- DT cây ăn quả	1,35	58,44	2,27	78,21	0,45	21,17	0,59	34,62
<b>II,</b>	<b>Diện tích Ao cá</b>	<b>0,31</b>	<b>6,42</b>	<b>0,30</b>	<b>6,92</b>	<b>0,26</b>	<b>8,36</b>	<b>0,35</b>	<b>5,69</b>
<b>III,</b>	<b>DT đất Lâm nghiệp</b>	<b>2,05</b>	<b>42,23</b>	<b>0,92</b>	<b>21,55</b>	<b>0,47</b>	<b>15,43</b>	<b>3,90</b>	<b>63,47</b>
<b>IV,</b>	<b>Đất khác</b>	<b>0,18</b>	<b>3,69</b>	<b>0,16</b>	<b>3,69</b>	<b>0,20</b>	<b>6,36</b>	<b>0,20</b>	<b>3,24</b>
	<b>Diện tích bình quân</b>	<b>4,85</b>		<b>4,27</b>		<b>3,05</b>		<b>6,14</b>	
	- Đất NN /TT			2,90		2,13		1,69	
	- Đất LN /TT			0,92		0,47		3,89	

*(Nguồn: Số liệu tổng hợp và tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)*

### 3.1.4. Thực trạng tài sản và nguồn vốn của các trang trại

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại được thuận lợi thì vốn giữ vai trò quan trọng. Theo số liệu điều tra, mức đầu tư bình quân 1 trang trại là 51,81 triệu đồng trong đó chủ yếu là vốn tự có bao gồm cả vốn tích lũy từ những năm trước 43,25 triệu đồng chiếm 83,47%. Với chính sách khuyến khích các trang trại phát triển, hệ thống ngân hàng với thủ tục dễ dàng, thuận tiện luôn mở cửa đối với các chủ trang trại đến vay tiền để đầu tư sản xuất. Vay nhiều nhất là ông Lò Ngọc Tiến với tổng số tiền là 30 triệu đồng. Trung bình mỗi trang trại vay khoảng 6,70 triệu đồng chiếm 12,94% tổng số vốn của trang trại. Vay nhiều nhất là các trang trại chăn nuôi, bình quân mỗi trang trại khoảng 8,78 triệu đồng/ trang trại chiếm 13,46% tổng số vốn của trang trại.

Cùng với việc vay vốn từ ngân hàng, các trang trại còn đi vay từ các nguồn khác như thông qua các chương trình dự án: dự án 327, dự án 661, PAM, chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc... các chương trình phát triển sản xuất của khuyến nông, phát triển ngành nghề... Tuy nhiên, số vốn vay được từ các nguồn này chưa nhiều. Bình quân số vốn vay từ nguồn này là 1,86 triệu đồng, cao nhất là các trang trại kinh doanh tổng hợp với số tiền bình quân là 2,45 triệu đồng, các trang trại cây lâu năm chỉ được vay bình quân 1,28 triệu đồng.

Việc phát triển kinh tế trang trại cần đầu tư nhiều vốn và trong nhiều năm (như các trang trại trồng cây lâu năm) tuy nhiên, nguồn vốn vay dài hạn còn quá ít, chủ yếu vẫn là những nguồn vay ngắn hạn và trung hạn.

Với số vốn đã có được từ các nguồn trên, chủ trang trại cùng với gia đình bàn bạc tính toán để đầu tư mua trang thiết bị, máy móc hay trồng các loại cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm .



**Bảng 10. Thực trạng nguồn vốn và tài sản bình quân của các trang trại điều tra***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Loại hình trang trại						Bình quân chung	
	Cây lâu năm		Chăn nuôi		Kinh doanh tổng hợp			
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng tài sản	31,67	100,00	65,23	100,00	58,53	100,00	51,81	100,00
- Tài sản lưu động	13,60	42,96	21,64	33,17	21,85	37,27	19,02	36,71
- Tài sản cố định	18,06	57,04	43,60	66,83	36,71	62,72	32,79	63,29
Tổng nguồn vốn	31,67	100,00	65,23	100,00	58,53	100,00	51,81	100,00
- Vay ngân hàng	5,75	18,15	8,78	13,46	5,58	9,53	6,70	12,94
- Vốn tự có	24,64	77,80	54,60	83,70	50,50	86,28	43,25	83,47
- Nguồn khác	1,28	4,04	1,85	2,84	2,45	4,17	1,86	3,59

*(Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)*

Như chúng ta có thể thấy được qua bảng 10, tài sản cố định bình quân chung cho các loại hình trang trại là 32,79 triệu đồng, trong đó Trang trại chăn nuôi có giá trị tài sản cố định cao nhất 43,60 triệu đồng, chiếm 66,83% tổng tài sản, tiếp đó đến trang trại kinh doanh tổng hợp 36,71 triệu đồng tương đương với 62,72% thấp nhất là trang trại cây lâu năm với 18,07 triệu đồng. Với số vốn còn lại các trang trại sẽ phải tính toán để mua các đầu vào như phân bón, giống, các nguyên vật liệu, thuê lao động để có thể tiến hành được sản xuất và giá trị của nó sẽ được chuyển vào trong giá trị của sản phẩm. Trong 3 loại hình trang trại trên trang trại kinh doanh tổng hợp có số vốn lưu động lớn nhất là 21,82 triệu đồng chiếm 37,28% trong tổng số tài sản của trang trại.

*Tóm lại:* các loại hình đều có những nguồn vốn khác nhau và đều có cách thức riêng để sử dụng những nguồn vốn đó một cách hợp lý nhất để có thể có vốn đầu tư tiến hành sản xuất với chi phí thấp nhất mà đem lại hiệu quả cao nhất tuy cơ cấu số vốn mỗi loại có sự khác biệt tương đối lớn.

### 3.1.5. Quy mô sản xuất của các trang trại

Với mục đích là kinh doanh để bán sản phẩm ra thị trường, do vậy nuôi con gì, trồng loại cây gì cho phù hợp với thị trường là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của kinh tế trang trại.

Theo số liệu điều tra, tại các trang trại hiện nay cây lúa không thể không gieo trồng bởi nó có tầm quan trọng đặc biệt: cây lúa tạo ra lương thực nuôi sống con người, góp phần tái sản xuất sức lao động, bảo đảm an toàn lương thực trong cả nước. Hiện nay, trung bình một trang trại có 3677,53 m<sup>2</sup> lúa, trong đó trang trại chăn nuôi có diện tích lúa trung bình đạt cao nhất 8569,8 m<sup>2</sup>.

Trong những cây trồng để kinh doanh thì chủ yếu là cây lâu năm, đặc biệt chú trọng đến cây chè và cây ăn quả như: cam, vải, nhãn. Với cây chè, trung bình mỗi trang trại trồng 7068,91 m<sup>2</sup> chủ yếu là chè đang trong thời kỳ kinh doanh, được trồng bằng hạt. Chè được trồng nhiều nhất trong Trang trại cây lâu năm với diện tích bình quân là 7769,74m<sup>2</sup>. Đối với cây ăn quả thì cây cam là một lợi thế quan trọng để phát triển kinh tế và được các trang trại trồng



nhiều nhất, trung bình mỗi trang trại trồng 831,93 cây trong đó các trang trại trong Loại hình cây lâu năm trồng nhiều nhất với 1546,15 cây.

Về chăn nuôi, chủ yếu các trang trại chăn nuôi lợn thịt và lợn nái. Số lượng lợn thịt bình quân một trang trại là 30 con nhiều nhất là Trang trại chăn nuôi với 103 con. Lợn nái được tập trung nuôi nhiều nhất ở loại hình trang trại chăn nuôi (4,7 con) với mục đích là cung cấp con giống để nuôi lợn thịt, bình quân các trang trại nuôi là 2,13 con.

Về chăn nuôi gia cầm, do ảnh hưởng của dịch bệnh cúm gia cầm mà một số trang trại không dám nuôi gia cầm trong giai đoạn này. Hiện nay, các trang trại chủ yếu nuôi giống gà gi thả vườn trung bình mỗi trang trại nuôi 90,07 con nuôi nhiều nhất thuộc về Trang trại kinh doanh tổng hợp:105 con.

**Bảng11. Quy mô sản xuất của các trang trại điều tra**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trang trại cây lâu năm	Trang trại chăn nuôi	Trang trại kinh doanh tổng hợp	Bình quân chung
1. Lúa	M <sup>2</sup>	2.455,53	8.569,80	3.327,16	3677,53
2. Cây lâu năm					
- Vải, nhãn	Cây	87,00	56,00	103,00	90,33
- Cam	Cây	1.546,15	315,55	367,27	831,93
- Chè	M2	7.769,74	3.680,48	7.436,32	7068,91
3. Rừng trồng	M2	8.942,47	4.568,40	37.908,00	21876,51
4. Chăn nuôi					
- Lợn thịt	Con/lúa	15,00	103	22,00	30,00
- Lợn nái	Con	2,00	4,70	1,50	2,13
- Gà	Con/lúa	75,00	83,00	105,00	90,07
- Trâu bò	con	0,20	0,56	0,70	0,45

(Nguồn số liệu: Điều tra thực tế năm 2004)

### **3.1.6. Giá trị sản xuất của các trang trại**

Sản phẩm của sản xuất nông nghiệp là những sản phẩm thiết yếu để duy trì cuộc sống của con người nói chung, nguồn sống chủ yếu của dân cư ở nông thôn nói riêng. Vì vậy, cơ cấu giá trị sản xuất của trang trại cũng dựa hoàn toàn hay đại bộ phận vào nông nghiệp bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Các trang trại kiểu này thuộc loại nông lâm kết hợp quy mô bình quân thường lớn hơn quy mô bình quân của các hộ. Vì có như vậy, nguồn thu nhập từ nông nghiệp mới đủ sức trang trải các nhu cầu sinh hoạt và tái sản xuất. Các trang trại nông lâm kết hợp hoặc kiêm ngành nghề dịch vụ chiếm phần lớn các trang trại ở khu vực miền núi. Về sau, theo đà phát triển của công nghiệp tỉ lệ đó sẽ mỗi ngày một giảm, thay vào đó là các trang trại nông lâm kết hợp kiêm ngành nghề dịch vụ tức là các trang trại này chỉ làm một phần nông nghiệp phần còn lại làm ngoài nông nghiệp hoặc dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.



**Bảng12. Giá trị sản xuất bình quân của các trang trại điều tra***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Loại hình trang trại						Bình quân chung	
	Cây lâu năm		Chăn nuôi		Kinh doanh tổng hợp			
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng	58,35	100	143,14	100	76,82	100	77,04	100
I, Nông nghiệp	55,88	95,77	139,55	97,50	65,89	85,77	71,04	92,21
a, Trồng trọt	48,65	83,38	14,26	9,96	24,59	32,01	34,44	44,71
- Cây hàng năm	6,34	10,87	5,66	3,96	4,19	5,46	5,39	7,00
- Cây lâu năm	42,31	72,51	8,59	6,00	20,39	26,55	29,05	37,71
b, Chăn nuôi	7,23	12,39	125,30	87,54	41,30	53,76	36,60	47,51
- Trâu, bò	0,38	0,64	1,11	0,78	1,42	1,84	0,89	1,16
- Lợn thịt	3,45	5,91	110,21	76,99	25,08	32,65	26,34	34,19
- Lợn con	0,65	1,11	4,53	3,17	3,15	4,10	2,17	2,81
- Gia cầm	2,17	3,72	7,37	5,15	8,28	10,77	5,31	6,89
- Trứng	0,58	1,00	1,18	0,82	2,49	3,24	1,42	1,85
- Thu khác	0,24	0,41	0,89	0,62	0,89	1,15	0,59	0,76
2, Lâm nghiệp	1,35	2,31		0,00	1,33	1,73	1,16	1,51
3, Dịch vụ	1,12	1,92	3,58	2,50	9,60	12,50	4,84	6,28

*(Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)*

Bảng 12 cho thấy, tổng giá trị sản xuất bình quân của một trang trại tạo ra trong một năm là 77,04 triệu đồng. Trong đó, nguồn thu chủ yếu cho cả 3 loại hình là từ nông nghiệp chiếm từ 85,77% đến 97,50% tuy giữa các loại hình sản xuất lại có sự khác nhau rõ rệt.

Với trang trại cây lâu năm, tổng giá trị sản xuất bình quân của mỗi trang trại là 58,35 triệu đồng. Trong tổng giá trị sản xuất, thu từ ngành trồng trọt chiếm tỷ lệ cao nhất 83,38% trong đó, chủ yếu là thu từ cây lâu năm (cam) chiếm đến 42,31 triệu đồng tương đương với 72,51% tổng giá trị sản xuất. Do vậy, ngành lâm nghiệp và dịch vụ chưa được trang trại chú trọng phát triển do vậy chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng giá trị sản xuất.

Trang trại kinh doanh tổng hợp có cơ cấu giá trị sản xuất tương đối đồng đều. Tổng giá trị sản xuất đạt 76,82 triệu đồng trong đó trồng trọt chiếm 32,01%, chăn nuôi chiếm 53,76%. Trong cả 3 loại hình trang trại trên thì cây lâm nghiệp vẫn chưa được thu chính thức nên giá trị sản xuất chưa cao.

Trang trại chăn nuôi có tổng giá trị sản xuất trung bình của một trang trại đạt cao nhất với 143,14 triệu đồng, chủ yếu là thu từ chăn nuôi lợn thịt chiếm 76,99%. Do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, so với trước kia chăn nuôi gia cầm không được các trang trại chú ý, do vậy thu từ gia cầm chỉ chiếm 5,15%. Do tập trung chủ yếu vào chăn nuôi nên thu từ ngành trồng trọt chỉ đạt 14,26 triệu đồng chiếm 9,96%.

Với kết quả sản xuất như trên cho thấy, tất cả các trang trại đã biết sử dụng những nguồn lực có sẵn của gia đình đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để biến những nguồn lực đó tạo ra thu nhập cho gia đình, làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần của mình. Mặt khác, cho thấy giá trị sản xuất của 2 Trang trại cây lâu năm và trang trại kinh doanh tổng hợp đạt giá trị cao nhất, giải thích về lý do này cho thấy 2 loại hình này đầu tư vào sản xuất tương đối lâu năm và đa dạng hoá hàng hoá nên có giá trị sản xuất cao.

### 3.1.7. Chi phí bình quân của các trang trại

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các trang trại phải bỏ ra nhiều loại chi phí được gọi chung là chi phí sản xuất. Mức chi phí sản xuất nhiều hay ít do nhiều nhân tố quyết định như: quy mô sản xuất, tình hình sử dụng các thành tựu kỹ thuật vào sản xuất, năng suất lao động, cũng như sự tăng, giảm giá các loại vật tư đầu vào...



**Bảng 13. Chi phí trung gian bình quân của các trang trại điều tra**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Loại hình trang trại						Bình quân chung	
	Cây lâu năm		Chăn nuôi		Kinh doanh tổng hợp			
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng	24,65	100	106,83	100	38,13	100	41,00	100
1. Nông nghiệp	23,52	95,44	104,57	97,89	33,46	87,76	38,31	93,44
a. Trồng trọt	19,59	79,46	5,93	5,55	10,33	27,10	14,06	34,30
- Cây hàng năm	2,81	11,39	3,47	3,25	1,79	4,70	2,49	6,07
- Cây lâu năm	16,78	68,07	2,46	2,30	8,54	22,39	11,57	28,23
b, Chăn nuôi	3,94	15,98	98,64	92,34	23,13	60,67	24,24	59,13
- Trâu, bò	0,13	0,54	0,38	0,36	0,52	1,37	0,32	0,79
- Lợn thịt	1,99	8,09	90,87	85,06	14,79	38,78	18,96	46,25
- Lợn con	0,36	1,48	2,65	2,48	1,76	4,62	1,23	2,99
- Gia cầm	1,12	4,56	3,61	3,38	4,25	11,15	2,71	6,60
- Trứng	0,21	0,85	0,70	0,66	1,44	3,78	0,77	1,87
- Thu khác	0,11	0,46	0,43	0,40	0,37	0,97	0,26	0,63
2, Lâm nghiệp	0,64	2,61	-	-	0,58	1,52	0,53	1,30
3, Dịch vụ	0,48	1,95	2,25	2,11	4,09	10,72	2,16	5,27

(Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động và lao động vật hoá mà trang trại đã bỏ ra trong một chu kỳ kinh doanh nhất định. Gắn liền với chi phí sản xuất là giá thành sản phẩm. Cho thấy chi phí cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm là bao nhiêu.

Do đặc thù riêng của sản xuất nông nghiệp, việc tính toán chi phí cụ thể chi tiết như đối với các cơ sở kinh doanh là công nghiệp, thương mại khó có thể thực hiện được. Do vậy, ở đây việc tính toán chi phí của các trang trại chỉ tính những chi phí vật chất bằng tiền mà các trang trại phải bỏ ra trong quá trình sản xuất.

Qua bảng 13 cho thấy, trong tổng chi phí bình quân của các trang trại, thì chi phí cho nông nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất.

Đối với Trang trại cây lâu năm, tổng chi phí mà một trang trại đã bỏ ra trong năm vừa qua là 24,65 triệu đồng. Trong các ngành sản xuất thì chi phí cho nông nghiệp là 23,52 triệu đồng tương ứng với 95,44% trong tổng chi phí. Trong nông nghiệp, chi cho trồng trọt chiếm tỉ lệ cao nhất 79,46 % trong tổng chi phí, chủ yếu chi phí bỏ ra để đầu tư cho cây lâu năm (68,07%). Như vậy, đối với Trang trại cây lâu năm, thu nhập chủ yếu là từ cây cam, ngoài ra còn thu từ một số cây lâu năm khác như cây chè, vải, nhãn.

Đối với Trang trại chăn nuôi, là loại trang trại có chi phí lớn nhất. Chi phí trang trại bỏ ra chủ yếu tập trung cho chăn nuôi lợn thịt. Qua kết quả điều tra, chi phí mà các trang trại bỏ ra đầu tư chăn nuôi lợn bình quân lên tới 90,87 triệu đồng chiếm 85,06% trong tổng chi phí. Những hộ này lấy chăn nuôi là nguồn thu nhập chính, lấy sản phẩm phụ của chăn nuôi làm phân bón cho cây lâu năm như cam, chè. Do vậy trồng cây hàng năm, lâu năm sẽ tận dụng được sản phẩm phụ hay thức ăn dư thừa của ngành chăn nuôi.

Đối với Trang trại kinh doanh tổng hợp, so với các loại trang trại khác, chi phí có sự đồng đều giữa các ngành. Chi cho ngành trồng trọt chiếm 27,10% tương ứng với 10,33 triệu đồng, chi phí cho chăn nuôi là 23,13 triệu đồng chiếm 60,67%, chi cho ngành nghề dịch vụ chỉ chiếm 10,72% tương đương với 4,09 triệu đồng.



### 3.1.8. Giá trị gia tăng bình quân của các trang trại

Giá trị gia tăng của trang trại là chỉ tiêu phản ánh tính hiệu quả, độ lớn của nó thường cao hơn nhiều so với kinh tế hộ.

Số liệu điều tra thể hiện ở bảng 14 cho thấy, tuy mỗi trang trại có giá trị gia tăng khác nhau nhưng bình quân cho 3 loại hình là 36,05 triệu đồng, trong đó thu từ nông nghiệp chiếm 90,82%, từ lâm nghiệp chiếm 1,74% và từ ngành nghề dịch vụ là 7,44%. Với kết quả điều tra như trên cho thấy, các trang trại đã phát huy được những mặt mạnh, ưu thế thuận lợi của địa phương để phát triển sản xuất tạo ra thu nhập, nâng cao đời sống. Đặc biệt với lợi thế về vốn, kinh nghiệm sản xuất, chủ trang trại đã biết khai thác thế mạnh của mình để đầu tư vào ngành nghề dịch vụ như: dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (làm đất, say sất), mở cửa hàng kinh doanh,... tạo ra khoản thu nhập tương đối lớn đóng góp vào cơ cấu giá trị gia tăng của trang trại.

Xu hướng sản xuất của các trang trại là họ sẽ làm một phần nông nghiệp, phần còn lại là làm ngoài lâm nghiệp. Xu hướng này tăng dần từ Trang trại cây lâu năm đến Trang trại kinh doanh tổng hợp với tỉ trọng thu từ ngoài nông nghiệp là từ 1,90% đến 7,44%.

Trong ngành nông nghiệp, cơ cấu giá trị gia tăng cũng có sự khác nhau, thu nhập chính của các trang trại vẫn là từ trồng trọt, đặc biệt là từ cây lâu năm (chủ yếu là cam): trung bình là 48,48%, cao nhất là Trang trại cây lâu năm: 86,25%, ít nhất thuộc về Trang trại chăn nuôi với 22,94%. Đối với ngành chăn nuôi, chủ yếu các trang trại tập trung vào nuôi lợn thịt. Giá trị gia tăng bình quân chung ngành chăn nuôi cho cả 3 loại hình là 34,28%, chăn nuôi lợn thịt là 20,46%. Trong đó, thu từ chăn nuôi của Trang trại chăn nuôi chiếm 73,41% tổng thu giá trị gia tăng và thu từ lợn thịt chiếm hơn 1/2.

Nhìn chung, các trang trại đã biết tính toán, phân tích nhu cầu thị trường, tận dụng những điểm mạnh của mình và những cơ hội xuất hiện trong vùng để đầu tư sản xuất thu lợi nhuận cao, vì vậy những trang trại này đã có thu nhập tương đối cao tuy nhiên đối với một số trang trại vẫn còn rụt rè trong việc đầu tư, chưa dám mạo hiểm đầu tư ngay cả khi có cơ hội. Bởi có lẽ, họ vẫn còn chịu ảnh hưởng của cách làm tiểu nông, sợ rủi ro, mất mát.

**Bảng 14. Giá trị gia tăng bình quân của các trang trại điều tra***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Loại hình trang trại						Bình quân chung	
	Cây lâu năm		Chăn nuôi		Kinh doanh tổng hợp			
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
<b>Tổng</b>	<b>33,70</b>	<b>100</b>	<b>36,31</b>	<b>100</b>	<b>38,69</b>	<b>100</b>	<b>36,05</b>	<b>100</b>
<b>1, Nông nghiệp</b>	<b>32,36</b>	<b>96,01</b>	<b>34,99</b>	<b>96,34</b>	<b>32,42</b>	<b>83,81</b>	<b>32,74</b>	<b>90,82</b>
<i>a, Trồng trọt</i>	29,07	86,25	8,33	22,94	14,26	36,85	20,38	56,54
- Cây hàng năm	3,54	10,49	2,19	6,03	2,40	6,20	2,90	8,05
- Cây lâu năm	25,53	75,76	6,13	16,88	11,86	30,65	17,48	48,48
<i>b, Chăn nuôi</i>	3,29	9,76	26,66	73,41	18,17	46,96	12,36	34,28
- Trâu, bò	0,24	0,72	0,73	2,01	0,89	2,31	0,57	1,58
- Lợn thịt	1,46	4,32	19,34	53,26	10,29	26,61	7,38	20,46
- Lợn con	0,28	0,84	1,88	5,17	1,39	3,59	0,94	2,60
- Gia cầm	1,05	3,11	3,76	10,36	4,02	10,40	2,60	7,21
- Trứng	0,37	1,11	0,48	1,31	1,05	2,70	0,66	1,82
- Thu khác	0,13	0,38	0,46	1,27	0,52	1,34	0,33	0,91
<b>2, Lâm nghiệp</b>	<b>0,70</b>	<b>2,08</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,75</b>	<b>1,93</b>	<b>0,63</b>	<b>1,74</b>
<b>3, Dịch vụ</b>	<b>0,64</b>	<b>1,90</b>	<b>1,33</b>	<b>3,66</b>	<b>5,52</b>	<b>14,26</b>	<b>2,68</b>	<b>7,44</b>

*(Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)*



### 3.1.9. Hiệu quả kinh tế của các trang trại.

Qua phân tích cho thấy, giá trị sản phẩm hàng hoá của các loại hình đạt giá trị cao. Bình quân chung là 63,02 triệu đồng, trong đó Trang trại chăn nuôi có giá trị sản phẩm hàng hoá cao nhất 117,04 triệu đồng, Trang trại trồng cây lâu năm có giá trị thấp nhất với 46,76 triệu đồng. Giải thích về điều này, qua điều tra cho thấy Trang trại chăn nuôi có mức độ chuyên môn hoá cao nhất so với cả 3 loại hình.

Tỷ suất sản phẩm hàng hoá đạt cao nhất thuộc về Trang trại chăn nuôi 91,76% và Trang trại kinh doanh tổng hợp 83,29%, điều này cho thấy mức độ tham gia vào thị trường của loại hình trang trại chăn nuôi đạt cao nhất đồng thời cũng chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường. Thấp nhất là Trang trại cây lâu năm đạt 80,14%.

Năng suất lao động của trang trại được thể hiện ở việc giá trị sản xuất của một lao động mang lại trong một năm. Một lao động của Trang trại chăn nuôi mang lại 38,79 triệu đồng, cao nhất trong số các trang trại điều tra, giá trị sản xuất trung bình 22,93 triệu đồng thuộc về Trang trại kinh doanh tổng hợp, thấp nhất thuộc về Loại hình trồng cây lâu năm với 18,52 triệu đồng.

Hiệu quả sử dụng một đồng chi phí đối với từng loại hình trang trại có sự khác nhau lớn, có loại hình đạt rất cao 2,37 lần, tức cứ bỏ ra một đồng chi phí thì thu được 2,37 đồng giá trị sản xuất như ở Trang trại cây lâu năm. Ngược lại, cũng có loại hình lại đạt thấp hơn như Trang trại chăn nuôi, nếu bỏ ra một đồng chi phí thì trang trại chỉ thu được 1,34 đồng.

Chi phí trung gian cho một đơn vị diện tích (ha) của các trang trại có sự khác nhau rất lớn. Điều này hoàn toàn đúng với nhận định ở trên chi phí sản xuất liên quan đến mức độ chuyên môn hoá. Chi phí càng lớn trên một đơn vị diện tích, thì mức độ chuyên môn hoá của trang trại đó càng lớn, cao nhất thuộc về Trang trại chăn nuôi trên một ha trang trại đã đầu tư đến 34,99 triệu đồng nhưng với Trang trại cây lâu năm thì một năm trên một ha trang trại chỉ đầu tư là 5,77 triệu đồng thấp hơn rất nhiều so với Trang trại chăn nuôi.

**Bảng 15, Một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế và tỷ suất hàng hoá bình quân của trang trại**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Loại hình trang trại			Bình quân chung
		Cây lâu năm	Chăn nuôi	Kinh doanh tổng hợp	
Tổng giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	58,35	143,14	76,82	77,04
Tổng chi phí (IC)	Triệu đồng	24,65	106,83	38,13	41,00
Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	33,70	36,31	38,69	36,05
GO/IC	Lần	2,37	1,34	2,01	2,09
VA/GO	Lần	0,58	0,25	0,50	0,50
VA/Lao động/ tháng	Triệu đồng	0,89	0,82	0,96	0,91
GO/ Lao động/ năm	Triệu đồng	18,52	38,79	22,93	22,99
IC/ 1ha	Triệu đồng	5,77	34,99	6,21	9,84
Giá trị sản phẩm hàng hoá	Triệu đồng	46,76	117,04	63,98	64,93
Tỷ suất sản phẩm hàng hoá	%	80,14	91,76	83,29	82,95

(Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra thực tế, năm 2004)



Thu nhập trên một lao động giữa các loại hình cũng có sự khác nhau lớn, bình quân là 0,91 triệu đồng/tháng. Tuy đầu tư không lớn bằng Trang trại chăn nuôi nhưng Trang trại kinh doanh tổng hợp có giá trị gia tăng cao hơn, trung bình giá trị gia tăng trên một lao động 1 tháng là 0,96 triệu đồng. Ngược lại, giá trị gia tăng trên một lao động của Trang trại chăn nuôi chỉ bằng 0,82 triệu đồng, thấp nhất trong số 3 trang trại.

Qua phân tích một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của các loại hình trang trại tôi rút ra kết luận: có trang trại mới được hình thành từ 3 đến 4 năm nay nhưng đã có những trang trại đã hình thành ngay từ khi chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Do vậy, các loại hình có sự phát triển không đồng đều, mức độ chuyên môn hoá có sự khác nhau rõ rệt, trình độ, kinh nghiệm sản xuất còn khoảng cách lớn. Vì vậy, đối với mỗi loại hình trang trại thì nhà nước cần có những chính sách thích hợp để phù hợp với từng Trang trại hiện nay.

### **3.1.10. Mối quan hệ với thị trường của các trang trại**

Với việc chuyển từ nền sản xuất với cơ chế bao cấp sang nền sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường, thì yếu tố thị trường vừa là điều kiện vừa là phương tiện, là nơi để thực hiện quá trình tái sản xuất, là khâu trung gian quan trọng để liên hệ giữa sản xuất và tiêu dùng. Thị trường thông qua hoạt động lưu thông hàng hoá lại tác động đến nền sản xuất xã hội. Các Mác viết: “Khi thị trường, nghĩa là lĩnh vực trao đổi mở rộng ra thì quy mô trong sản xuất cũng tăng lên, sự phân công trong sản xuất cũng trở nên sâu sắc hơn”. Chính vì vậy, thị trường là yếu tố quyết định cho sự phát triển kinh tế cũng như biến đổi cơ cấu kinh tế. [8].

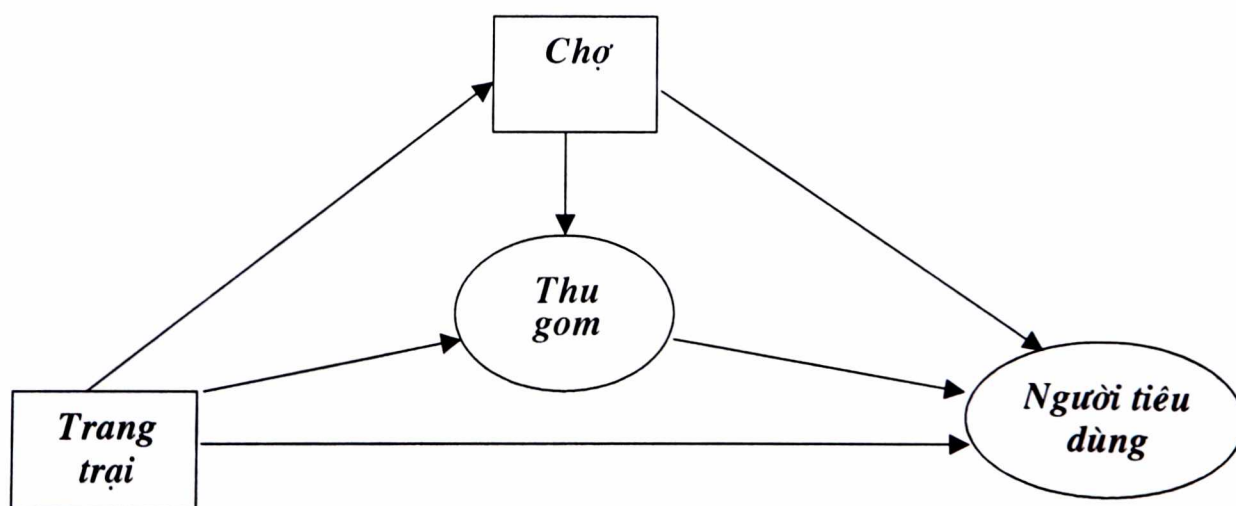
Tuy vậy, nhìn một cách tổng quát trong phạm vi cả nước, thị trường của nước ta chậm phát triển, ở nhiều vùng, nhất là trong khu vực nông thôn chưa hội tụ đủ những tiền đề cho sự phát triển nền sản xuất hàng hoá, nhất là thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định, biến động thường xuyên; nông sản hàng hoá tuy chưa nhiều nhưng đã có hiện tượng “ứ đọng” kể cả nông sản tự tiêu và xuất khẩu. Vì vậy, trong nông nghiệp đã nảy sinh mâu thuẫn giữa đầu tư mới mở rộng sản xuất với tiêu thụ sản phẩm (có lúc diễn ra rất gay gắt) có nguy cơ kìm hãm tới tốc độ phát triển của nền kinh tế nước ta.

So với các huyện khác trong Tỉnh, Bắc Quang có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất, có nhiều cơ hội, tiềm năng về thị trường trao đổi, giao lưu

hàng hoá. Với ưu thế như vậy, nhưng huyện vẫn chưa tận dụng được lợi thế này. Nguyên nhân có nhiều, nhưng cơ bản nhất là sản xuất nông nghiệp của huyện Bắc Quang vẫn mang nặng tính tự cấp tự túc, đời sống của đồng bào còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thiên nhiên, nhiều tập tục sản xuất lạc hậu vẫn còn tồn tại ở địa phương.

Các hộ làm kinh tế trang trại cũng không nằm ngoài tình trạng này. Qua điều tra chúng tôi thấy, có tới 34 trang trại bán sản phẩm cho người thu gom chiếm 75,56% tổng số trang trại chỉ có 4 trang trại bán sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng trong thôn chiếm 8,89%, còn lại 5 trang trại là mang sản phẩm của mình ra chợ bán chiếm 15,56%. Với cơ cấu bán như trên, các trang trại sẽ phải chịu nhiều thiệt thòi, ảnh hưởng lớn đến thu nhập. Cơ hội giao lưu giữa các trang trại nói riêng và với các trang trại trong và ngoài tỉnh còn nhiều hạn chế.

Khi được hỏi biện pháp nào là quan trọng nhất để nâng cao chất lượng của sản phẩm thì có 15 trang trại cho rằng phải cải tạo con giống cũ thay thế bằng những giống có năng suất và chất lượng cao hơn, có 19 trang trại cho rằng cần phải chăm sóc bằng các biện pháp như: làm cỏ, bón phân, nhất là phân hữu cơ... đối với cây trồng, tiêm phòng chống bệnh tật, cho ăn thức ăn có tỉ lệ hợp lý giữa thức ăn thô và thức ăn tinh... đối với chăn nuôi. Biện pháp kỹ thuật được 11 trang trại chọn để nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm như cho ăn đúng kỹ thuật hoặc quá trình bảo quản, chế biến đúng kỹ thuật.



**Biểu đồ 05. Các kênh tiêu thụ sản phẩm của trang trại**



## 3.2. PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA CÁC TRANG TRẠI.

### 3.2.1. Sử dụng phương pháp phân tổ

Giá trị gia tăng của trang trại là chỉ tiêu quan trọng phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại. Nhưng, giá trị gia tăng của trang trại lại trực tiếp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: diện tích, chi phí sản xuất, số lao động, của chủ trang trại... Để thấy được sự ảnh hưởng của các tiêu thức nguyên nhân này đến giá trị gia tăng, ta phân tổ các trang trại theo giá trị gia tăng theo từng tổ với khoảng cách giữa các tổ là 10 triệu đồng sau đó, tính ra giá trị bình quân của các tiêu thức nguyên nhân rồi so sánh xu hướng và mức độ biến động của chúng qua các tổ.

**Bảng 16. Một số nhân tố ảnh hưởng đến giá trị gia tăng của trang trại**

GTGT Bq/ TT (Tr.đ)	Số trang trại	Chi phí trung gian (Tr.đ)	Diện tích (ha)	Lao động chính (LĐ)
< 25	4	21,849	2,65	2,33
25 -< 30	9	26,583	2,83	2,76
30- < 35	23	31,764	4,68	3,58
≥ 35	9	82,513	8,27	3,89
<b>Σ</b>	<b>45</b>			

(Nguồn: tính toán từ kết quả điều tra thực tế năm 2004)

Bảng 15 cho thấy, khoảng cách giữa các tổ có sự khác nhau. Tuy nhiên, liệu rằng các tiêu thức nguyên nhân trên có thực sự ảnh hưởng tới giá trị gia tăng của các trang trại khi suy rộng kết quả của 45 trang trại (mẫu) thành kết quả của 1 số lượng trang trại đủ lớn để quy luật số lớn phát huy tác dụng (tổng thể). Do vậy, chúng ta phải kiểm định độ tin cậy thống kê của sự thay đổi này khi suy rộng ra toàn bộ tổng thể. Dùng thống kê  $t$  để kiểm định (the test statistic  $t$ ), công thức chung đã được nêu tại phần phương pháp nghiên cứu. Sau khi tính toán, kết quả được tổng hợp ở bảng dưới đây:

**Bảng 17. Kiểm định t về sự sai khác giữa giá trị của các tổ**

GTGT / TT (Tr.đ)	N (lượng mẫu)	So sánh giữa các tổ	$t_{\text{tính}}$ Chi phí trung gian	$t_{\text{tính}}$ Diện tích	$t_{\text{tính}}$ Lao động	$t_{\text{bảng}}$	
						$t_{0,1}$	$t_{0,05}$
Tổ 1 (< 25)	4	---	---	---	---	---	---
Tổ 2 (25 - < 30)	9	Tổ2/ tổ1	2,29	1,52	1,68	1,36	1,79
Tổ 3 (30 - < 35)	23	Tổ3/ tổ2	2,55	4,56	4,29	1,31	1,69
Tổ 4 ( $\geq 35$ )	9	Tổ4/ tổ3	2,58	4,53	1,45	1,31	1,69
$\Sigma$	<b>45</b>						

(Nguồn: tính toán từ kết quả điều tra thực tế năm 2004)

Bảng kiểm định trên cho thấy,  $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$  ở tất cả các tiêu thức nguyên nhân với độ tin cậy từ 90% trở lên, chứng tỏ giữa các tổ vẫn có sự khác nhau khi suy rộng mẫu ra toàn bộ tổng thể. Vì vậy kết quả phân tích trên đây có thể suy rộng ra toàn bộ tổng thể.

Qua việc phân tổ trên cho thấy ảnh hưởng rõ của một số yếu tố đến giá trị gia tăng của trang trại. Cụ thể:

**Lao động chính:** lao động và chất lượng lao động là nhân tố quan trọng trong sản xuất. Số liệu trong bảng phân tổ trên cho thấy, lao động tỷ lệ thuận với giá trị gia tăng của trang trại, khi lao động chính bình quân là 2,33 lao động, thì giá trị gia tăng của trang trại < 25 triệu đồng, nhưng khi lao động chính tăng lên 3,89 lao động thì giá trị gia tăng đạt đến  $\geq 35$  triệu đồng.

**Diện tích đất:** tỉ lệ thuận với giá trị gia tăng của trang trại, vì là huyện miền núi, mức độ chuyên môn hoá chưa cao nên khi diện tích đất nhiều trang trại có điều kiện sản xuất do đó cho kết quả sản xuất cao. Nếu diện tích bình quân đạt 2,65 ha thì giá trị gia tăng bình quân của trang trại đạt < 25 triệu đồng, tuy nhiên khi diện tích tăng lên 8,27 ha thì giá trị gia tăng của trang trại tăng lên  $\geq 35$  triệu đồng.

Để thấy rõ mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng tiêu thức nguyên nhân tới sự biến động của giá trị gia tăng của trang trại (tiêu thức kết quả), ta tiến hành ước lượng hàm sản xuất Cobb-Douglas.



### 3.2.2. Sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas

Xây dựng hàm sản xuất Cobb - Douglas:

$$Y = a_0 X_1^{a_1} X_2^{a_2} X_3^{a_3} e^{a_4 D}$$

Lôgarit 2 về đưa hàm sản xuất về dạng tuyến tính ta có:

$$\ln Y = \ln a_0 + a_1 \ln X_1 + \dots + a_3 \ln X_3 + a_4 D$$

Trong đó: Y: Giá trị gia tăng của trang trại (Tr.đồng). Ký hiệu là GTGT,

$a_0$ : Hệ số tự do,

$a_i$ : Hệ số hồi quy ứng với biến thứ i (i = 1, 2, 3),

D = 1 Nếu chủ trang trại được học qua lớp tập huấn về chuyên môn và quản lý

D = 0 Nếu chủ trang trại chưa được học qua lớp tập huấn về chuyên môn và quản lý. Ký hiệu là QLY,

X1: Chi phí sản xuất của trang trại (Tr.đồng). Ký hiệu là CPHI,

X2: Số lao động chính của trang trại (LĐ). Ký hiệu là LĐ,

X3: Tổng diện tích của trang trại (Ha). Ký hiệu là DTICH,

Kết quả chạy hàm sản xuất Cobb- Douglas được tổng hợp trên bảng 18:

**Bảng 18. Ảnh hưởng của các nhân tố sản xuất tới giá trị gia tăng của trang trại**

**Biến phụ thuộc: Ln GTGT**

Biến	Hệ số hồi quy	$t_{\text{tính}}$
Hệ số chặn	12,47	13,57***
Ln CPHI	0,24	4,18***
Ln LĐ	0,47	3,64***
Ln DTICH	0,26	1,99*
D QLY	0,13	2,13**
$R^2$	0,69	
F	25,66	
Xác suất của F	1,39041E-10	
Số trang trại	45	

Hay viết dưới dạng phương trình:

$$\ln GTGT = 12,47 + 0,24 \ln CPHI + 0,47 \ln LD + 0,26 \ln DTICH + 0,13 \ln DQLY$$

$$(13,57)^{***} \quad (4,18)^{***} \quad (3,64)^{***} \quad (1,99)^* \quad (2,13)^{**}$$

Ghi chú: \*\*\*: Có độ tin cậy ở mức 99%,

\*\* : Có độ tin cậy ở mức 95%,

\* : Có độ tin cậy ở mức 90%.

Các số trong ngoặc đơn là giá trị t do máy tính ra nhằm kiểm định giả thiết ( $H_0$ ) cho rằng hệ số hồi quy  $a_i$  của biến số  $X_i$  tương ứng bằng 0.

Với giả thiết:

$H_0 : a_1 = a_2 = a_3 = a_4 = 0$  (tất cả các biến giải thích  $X_i$  không ảnh hưởng gì tới giá trị gia tăng của các trang trại).

$H_1$  : có ít nhất 1 hệ số  $a_i \neq 0$  (có ít nhất 1 biến giải thích  $X_i$  có ảnh hưởng tới giá trị gia tăng của các trang trại). ( $i=1,2,3,4$ )

Kết quả chạy hàm tại bảng 16 cho thấy: tỷ số F (Fisher) của các trang trại là 25,66 với mức xác suất  $1.39041E-10$ . Vậy  $H_0$  bị bác bỏ với độ tin cậy  $P=1 - 1.39041E-10$  hay  $P \geq 99,99\%$ .

Tức có ít nhất 1 biến có ảnh hưởng tới giá trị gia tăng của các trang trại. Nói cách khác, phương trình hồi quy là có ý nghĩa phân tích.

Mặt khác, hệ số xác định điều chỉnh  $\bar{R}^2 = 0,69$ . Tức là 69% sự biến động của giá trị gia tăng được giải thích bởi sự tác động của các biến giải thích được bao gồm trong loại hình. Còn lại 31% là các nhân tố khác bên ngoài loại hình ảnh hưởng tới sự biến động của chỉ tiêu giá trị gia tăng.

Bảng 16 cho thấy, giữa giá trị gia tăng và số lao động chính trong trang trại có mối tương quan thuận chặt (\*\*\*).

Khi số lao động chính tăng lên 1%, với điều kiện các nhân tố khác không đổi thì giá trị gia tăng sẽ tăng bình quân 0,47%. Nếu lao động chính tăng lên 1 lao động thì giá trị gia tăng sẽ tăng lên là:



Áp dụng công thức:

$$MPPx_i = a_i \frac{\bar{Y}}{\bar{X}_i}$$

Trong đó:  $MPPx_i$ : Sản phẩm hiện vật cận biên của  $x_i$ .

$a_i$ : Các hệ số tương quan,

$\bar{Y}$ : Giá trị gia tăng bình quân,

$\bar{X}_i$ : Số lao động chính bình quân của trang trại ( $i=1, 2 \dots 45$ )

Vậy khi lao động chính tăng lên 1 lao động thì giá trị gia tăng tăng lên:

$$MPP_{LD} = 0,47 * \frac{31627000}{3,4} = 4.372.000 \text{ đồng.}$$

Giữa chi phí sản xuất và giá trị gia tăng có mối tương quan chặt (\*\*\*) tức là, khi chi phí sản xuất tăng lên 1%, với điều kiện các yếu tố khác vẫn được giữ nguyên sẽ làm cho giá trị gia tăng của trang trại tăng thêm là 0,24%.

Tương tự như trên ta có:

$$MPP_{CPI} = 0,24 * \frac{31627000}{30981000} = 245.000 \text{ đồng.}$$

Vậy khi chi phí sản xuất tăng lên 1 triệu đồng thì giá trị gia tăng sẽ tăng lên 245.000 đồng.

Bên cạnh đó, biến giả định cũng ảnh hưởng đến loại hình khá rõ rệt. Nếu chủ hộ đã học qua các lớp tập huấn về chuyên môn và quản lý thì giá trị gia tăng của trang trại sẽ tăng lên 130.000 đồng với độ tin cậy đạt 95%.

**Kết luận:** Vậy nhân tố lao động chính, chi phí, diện tích và trình độ quản lý trong trang trại có tác động quan trọng nhất đến hiệu quả sản xuất của trang trại. Tuy nhiên, để tăng số lao động chính trong trang trại là việc khó có thể thực hiện được ngoại trừ việc thuê ổn định và lâu dài lao động chính. Do vậy, để thay đổi giá trị gia tăng của trang trại thì có thể tác động bằng cách tăng đầu tư cho sản xuất và tập huấn về trình độ chuyên môn và quản lý cho chủ trang trại.

### 3.3. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN BẮC QUANG

Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu các trang trại tại Bắc Quang cho thấy trang trại ở đây có những thuận lợi cơ bản sau đây:

- Trước hết, Bắc Quang có diện tích đất nông lâm nghiệp lớn thuận lợi cho việc phát triển các trang trại góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ.
- Chính quyền địa phương mà trực tiếp là Phòng NN & PTNT quan tâm và có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ cả về vật chất lẫn kỹ thuật tạo điều kiện cho các hộ làm kinh tế trang trại yên tâm phát triển sản xuất.
- Hiện nay, Đảng và nhà nước rất quan tâm đến việc phát triển miền núi đặc biệt là hệ thống cơ sở hạ tầng. Do vậy, trong thời gian gần đây cơ sở hạ tầng điện, đường trong huyện ngày càng được hoàn thiện, nâng cấp tạo điều kiện để thúc đẩy lưu thông hàng hoá sản xuất phát triển.
- Bình quân diện tích đất trên một trang trại tương đối lớn (từ 3 đến 5 ha), nếu biết cách khai thác tốt, áp dụng khoa học kỹ thuật thích hợp, thâm canh, đa dạng hoá hệ thống cây trồng, vật nuôi sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Các thành viên trong trang trại đều cần cù, chịu khó trong công việc, đoàn kết để cùng nhau xây dựng trang trại phát triển. Chủ trang trại là người có đầu óc tính toán, dám chịu mạo hiểm để gây dựng trang trại.
- Trang trại có nhiều cơ hội giao lưu, học hỏi kinh nghiệm về kỹ thuật, kiến thức về quản lý. Kinh nghiệm về thị trường được nâng lên, có nhiều cơ hội để tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh, trong nước cũng như xuất khẩu.

Tuy đã có những khởi sắc đáng kể từ sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ VI khoá 4, tuy vậy đồng thời với sự phát triển kinh tế trang trại ở vùng nghiên cứu còn bộc lộ một số những khó khăn cần được nghiên cứu và khắc phục. Qua bảng số liệu điều tra, cho thấy những khó khăn sau tác động trực tiếp đến sản xuất của các trang trại vùng nghiên cứu:



▪ *Khó khăn về kỹ thuật* có 85% số trang trại cần được trang bị về kỹ thuật, nhất là kỹ thuật về chăn nuôi. Phần lớn chủ trang trại không được bồi dưỡng về kỹ thuật chăn nuôi chiếm đến 76,35% trong tổng số trang trại điều tra.

▪ *Đầu ra cho sản phẩm*, có 68% số trang trại thấy đầu ra cho sản phẩm nhất là sản phẩm hoa quả gặp nhiều khó khăn như : cam, vải, chè bởi giá sản phẩm có lúc chỉ đủ vốn mà trang trại đã bỏ ra để sản xuất.

▪ *Vốn đầu tư sản xuất*: các trang trại đều muốn mở rộng thêm quy mô sản xuất tuy nhiên lại không có đủ vốn, có 64% số trang trại muốn vay vốn để đầu tư vào sản xuất với lãi suất thấp từ 4%% đến 4,5%

▪ *Khó khăn về giống cây, con*: với những giống hiện có cho năng suất không cao, chậm lớn, không còn phù hợp nên có 52% số các trang trại cho rằng cần phải thay những giống hiện có: lợn, gà, giống cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực, cây màu.

▪ *Khó khăn về cơ sở hạ tầng*: tuy đã được quan tâm nhiều nhưng chừng đó vẫn chưa đủ để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển. Nhiều trang trại vẫn chưa có điện, đường ô tô vẫn chưa đến được với trang trại hoặc đường lầy lội, hẹp, khó đi, đường bị phá hỏng do xe ô tô, xe trâu. Hiện còn 23 trang trại thấy khó khăn trong việc vận chuyển, sử dụng máy móc vào sản xuất do cơ sở hạ tầng không thuận tiện, điều này sẽ đẩy chi phí lên cao, kìm hãm việc tiếp cận thị trường nông dân, những sản phẩm tươi sống sẽ không không tiêu thụ được.

▪ *Khó khăn về lao động*: chất lượng lao động còn thấp, chủ yếu thích hợp với những công việc chân tay, lao động chưa có trình độ kỹ thuật, trình độ văn hoá còn thấp. Một số trang trại hiện nay vẫn còn thiếu lao động, việc thuê lao động đôi khi gặp khó khăn.

▪ *Khó khăn về thông tin liên lạc*: khó khăn này cũng bắt nguồn từ cơ sở hạ tầng kém phát triển. Không có điện thì ít thu thập được thông tin nhất là thông tin qua ti vi, đường khó đi thì không nắm bắt được thông tin mới trên thị trường nhất là những thông tin tại thị trường địa phương, ngay cả những thông tin từ cán bộ khuyến nông.

▪ *Khó khăn về dịch bệnh:* dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế của trang trại do vậy có nhiều trang trại chưa dám bỏ vốn đầu tư do chưa nắm bắt được kỹ thuật, nhất là kỹ thuật chăn nuôi. Có 21 trang trại lo sợ về dịch bệnh chiếm 54%.

▪ *An ninh trong trang trại:* việc phát triển kinh tế trang trại giúp cho mối quan hệ láng giềng trong nông thôn được gắn kết hơn, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận nhỏ những kẻ ăn không ngồi rồi, ghen ăn tức ở đã phá hoại trang trại của người khác, ảnh hưởng lớn đến tốc độ phát triển kinh tế trang trại, có 6 trang trại coi đây là mối lo cho trang trại của mình vì họ đã ít nhất một lần bị những kẻ như thế này là hại.

▪ *Khó khăn về phân bón, thức ăn:* là những đầu vào quan trọng cho sản xuất, tuy nhiên hiện nay trên thị trường có những loại phân bón giả, thức ăn có trộn lẫn sỏi, đá nhằm thu lợi làm cho sản xuất của nhân dân trong huyện nói chung, các trang trại nói riêng ngần ngại đầu tư vào sản xuất, gây thiệt hại cho người dân.

### **3.4. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN BẮC QUANG**

#### **3.4.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế trang trại**

##### **3.4.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế trang trại**

Ở nước ta, trong những năm gần đây kinh tế trang trại đã phát triển và tăng nhanh về số lượng với nhiều thành phần kinh tế tham gia, chủ yếu là trang trại gia đình. Sự phát triển của kinh tế trang trại đã mở đường cho nền nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hoá, góp phần khai thác đồi núi trọc, đất hoang hoá, tạo việc làm cho lao động nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng thêm khối lượng hàng hoá trong vùng. Từ đó có những quan điểm như sau:

Quan điểm coi trọng thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, đưa nông nghiệp và kinh tế trang trại lên sản xuất lớn là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, phải kể đến các trang trại nơi có nhiều



điều kiện thuận lợi về quy mô đất đai, vốn, lao động và trình độ chuyên môn hoá cao.[2].

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, ngành nghề, gắn sản xuất với thị trường để hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn và trên phạm vi cả nước.[2].

Phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển nông nghiệp hàng hoá đa dạng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nông sản thực phẩm và nguyên liệu công nghiệp hướng ra xuất khẩu.[2].

Quan điểm phát triển kinh tế trang trại gắn với việc bảo vệ môi trường: vấn đề môi trường được quan tâm trên phạm vi toàn cầu, nhiều loại hình sản xuất được khuyến cáo bởi vừa sản xuất ra sản phẩm vật chất vừa bảo vệ được môi trường, trong đó có kinh tế trang trại. Môi trường sinh thái được bảo vệ thì sẽ đảm bảo cho nguồn sinh lợi vững chắc cho sau này.

#### **3.4.1.2. Định hướng phát triển kinh tế trang trại**

\* Những căn cứ để định hướng:

Căn cứ vào chủ trương đường lối phát triển kinh tế trang trại của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào nguồn lực của huyện Bắc Quang và khả năng khai thác như lao động, đất đai, điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội và những lợi thế của vùng.

Căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế trang trại của tỉnh Hà Giang năm 2002- 2010 và mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang từ nay đến năm 2010.

Đối với những vùng sản xuất chuyên canh hàng hoá, vùng ven đường giao thông, thị trấn, các trung tâm cụm xã... cơ cấu sản xuất sẽ chuyển dịch từ hướng sản xuất nông sản hàng hoá gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ, kinh doanh đa dạng hoá để đáp ứng nhu cầu đa dạng về sản phẩm hàng hoá cho thị trường.

Đối với vùng có rừng hoặc có khả năng phát triển rừng, các trang trại được hình thành và phát triển từ chủ trương giao đất, khoán rừng, chương trình 327. Loại hình chủ yếu là Trang trại trồng cây lâu năm hoặc kinh doanh tổng hợp. Hướng kinh doanh chủ yếu là nhận khoán khoanh nuôi, bảo vệ rừng, trồng rừng với quy mô tương đối lớn kết hợp với chăn nuôi đại gia súc.

Với các vùng đất có diện tích nhỏ hẹp, ven các sườn đồi, thung lũng có ưu thế về nguồn nước, đồng cỏ. Hướng phát triển chủ yếu là chăn nuôi gia súc, gia cầm.

#### **3.4.1.3. Mục tiêu phát triển kinh tế trang trại**

Trang trại gia đình là xu thế phát triển tất yếu của việc thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nó sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới và đóng một vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Đối với huyện huyện Bắc Quang, để kinh tế trang trại phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh, khắc phục tình trạng tự phát, hiệu quả thấp, kém bền vững nhằm khai thác có hiệu quả đất đai, nguồn lực lao động, tài nguyên để sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hoá có chất lượng và giá trị cao tạo việc làm thì cần phải giải quyết những nhiệm vụ sau:

Phấn đấu đến năm 2007 đầu tư và xây dựng thêm được 40 đến 60 trang trại nâng tổng số trang trại lên gần 200 trang trại.

Xây dựng được từ 10 đến 15 trang trại mẫu điển hình, để làm loại hình trình diễn cho các trang trại trong huyện học tập.

Phấn đấu 100% chủ trang trại được nâng cao trình độ cả về khoa học kỹ thuật và năng lực quản lý, nâng cao được tay nghề của người lao động trong các trang trại.

#### **3.4.2. Một số giải pháp kinh tế chủ yếu để phát triển kinh tế trang trại**

##### **3.4.2.1. Giải pháp chung nhằm phát triển kinh tế trang trại tại Bắc Quang**

###### **3.4.2.1.1. Giải pháp về ruộng đất**

Hoàn chỉnh về quy hoạch và sử dụng đất đai, cây trồng vật nuôi theo từng vùng của huyện để làm cơ sở cho việc cấp giao đất cho các trang trại



Việc giao đất phải cụ thể phù hợp với từng loại đất (ruộng, rừng...) để tạo điều kiện cho các trang trại phát triển thuận lợi. Tỉnh cần có những chính sách thích hợp cho những trang trại có khả năng mở rộng diện tích, được phép đổi, mua, tích tụ hoặc chuyển khoảnh để thuận lợi cho việc phát triển trang trại, đồng thời có những chính sách đãi ngộ cho những trang trại khai phá những vùng đất hoang hoá, đồi núi trọc để sử dụng vào sản xuất.

#### *3.4.2.1.2. Giải pháp về thị trường và tiêu thụ sản phẩm*

Nhóm giải pháp về thị trường là nhóm giải pháp quan trọng để phát triển và ổn định trang trại hiện nay. Bởi vì, thị trường là yếu tố quyết định tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông thôn.

##### *a. Thúc đẩy các hình thức thương mại trong nông thôn*

Trong kinh tế hàng hoá, lĩnh vực thương mại là khâu hết sức quan trọng, liên quan chặt chẽ đến toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết thị trường đầu ra cho sản phẩm hàng hoá trong nông thôn. Điều này hoàn toàn đúng khi khu vực nông thôn- khu vực chịu thiệt thòi- đang chuyển dần sang sản xuất hàng hoá, các loại hình kinh tế trang trại cũng ngày càng nhiều lên. Để thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của các hình thức thương mại nông thôn cần giải quyết những biện pháp sau:

- Kiện toàn những loại hình dịch vụ cung cấp cũng như trợ giá các loại vật tư nông nghiệp, đầu vào cho sản xuất như giống, phân bón, công cụ sản xuất...nhằm cung cấp giống đúng chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng, nguồn phân bón chính hãng, không bị lẫn đá, sỏi như một số trang trại trong huyện đã gặp phải.

- Dịch vụ tìm kiếm thị trường để giải quyết sản phẩm đầu ra cho nông sản hàng hoá. Để giải quyết đầu ra cả trước hết và lâu dài cần: thúc đẩy tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá. Tác động vào việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế nhằm khai thác tiềm năng của vùng, đẩy mạnh phát triển các loại hình sản xuất nông lâm kết hợp kiêm ngành nghề dịch vụ, hạn chế sự cạnh tranh vô tổ chức, ép giá, ép cấp, hợp tác giữa các cơ sở kinh doanh thương mại và các trang trại với hình thức ứng

vốn, đến vụ thu hoạch bán sản phẩm cho cơ sở. Điều này sẽ làm cho các trang trại yên tâm vào sản xuất, góp phần kích thích sản xuất phát triển.

- Tăng cường đưa khoa học công nghệ về nông thôn, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đây là vấn đề có vai trò không kém phần quan trọng để nâng cao giá trị kinh tế cho hàng hoá nông sản thông qua các trạm trại, các tổ chức, các chương trình, dự án đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất tạo ra những vùng chuyên canh nhất là sản phẩm chè.

- Từng bước hình thành thị trường toàn diện trong nông thôn, tạo điều kiện cho quá trình chuyển hoá các yếu tố sản xuất và đầu tư như: thị trường vốn, thị trường lao động, tư liệu sản xuất, đất đai...

#### **b. Phát triển hệ thống thông tin**

- Mở rộng và nâng cao chất lượng thông tin, qua chương trình phát thanh của huyện, cung cấp các thông tin về giá cả thị trường trong ngày để các trang trại nắm được giá cả thị trường, giảm tối thiểu các trang trại ở xa đường, xa chợ dễ bị tư thương ép giá khi không nắm được sự lên xuống của giá cả thị trường.

- Cung cấp thông tin thị trường thường xuyên và các khuyến cáo khoa học kỹ thuật giúp trang trại định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường.

c. Khuyến khích phát triển buôn bán ở các chợ ở trung tâm xã, hình thành và mở rộng những khu chợ liên xã, các trung tâm giao dịch buôn bán nông sản và vật tư nông nghiệp ở vùng xa. Vì có nhiều trang trại rất xa so với trung tâm huyện, nếu trang trại phải ra chợ huyện mua vật tư hoặc bán sản phẩm sẽ mất công, tăng chi phí, đường xá đi lại khó khăn, phương tiện vận chuyển không có...

d. Nhà nước cần có chính sách bảo hiểm đối với sản xuất nông nghiệp, vì sản xuất trong nông nghiệp dễ gặp rủi ro: thiên tai, mất mùa, dịch bệnh. Hình thành quỹ bảo hiểm nông nghiệp ở huyện để hỗ trợ phần nào thiệt hại khi xảy ra.

### **3.4.2.1.3. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng**

#### **a. Hệ thống giao thông đường bộ**

Hệ thống giao thông thuận tiện sẽ tạo điều kiện cho việc giao lưu trao đổi hàng hoá, giảm chi phí sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong thời gian tới, huyện cần tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống giao thông, sửa chữa những



đoạn đường lấy lợi, xuống cấp, mở rộng đối với những đoạn đường hẹp, dốc. Mặt khác, đường liên xóm, liên thôn cũng cần nâng cấp, mở rộng vì những đoạn đường này là cầu nối trực tiếp từ trang trại đến các chợ, trung tâm xã.

**b. Hệ thống điện**

Trong những năm gần đây, Nhà nước thông qua huyện đã đầu tư nhiều km đường điện cho các xã, gồm cả trạm biến áp, điều này không chỉ có ý nghĩa đối với đời sống mà cả trong sản xuất của người dân. Tuy nhiên, thực trạng chung là xã đã có điện nhưng lượng điện vẫn còn yếu, chập chờn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của trang trại. Do đó, trước mắt huyện cần hoàn thiện hệ thống điện đến tất cả các thôn, xóm còn lại trong huyện, nâng cấp hệ thống điện, xây dựng thêm trạm biến áp ở những nơi cần thiết nhằm tăng lượng và chất của hệ thống điện trong phạm vi toàn huyện.

**c. Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc**

Khi kinh tế trang trại càng phát triển, mức độ tiếp cận thị trường càng nhiều. Do đó, cần yêu cầu về lượng thông tin càng lớn, nhất là thông tin về sản xuất, giá cả thị trường. Do vậy, trong thời gian tới huyện cần thúc đẩy việc phủ sóng truyền thanh của huyện trong phạm vi toàn huyện để nhân dân nói chung và các trang trại nói riêng nắm bắt được những thông tin về giá cả thị trường ở địa phương, giới thiệu các loại hình sản xuất đạt hiệu quả, điển hình tiên tiến để nhân dân đến thăm quan học tập, áp dụng theo vì “trăm nghe không bằng một thấy”.

**d. Nâng cấp, mở rộng hệ thống thủy lợi**

Để tăng nhanh số diện tích trồng lúa một vụ còn lại trên địa bàn huyện thành diện tích 2 vụ, từng bước hoàn thiện các công trình thủy lợi nhất là việc kiên cố hoá kênh mương, xây dựng thêm nhiều đập, phai đập để có thể giữ được nước vào thời gian hạn hán hoặc vào mùa khô. Nâng cấp, nạo vét hệ thống dẫn nước chưa được kiên cố hoá. Các công trình nước sinh hoạt cũng phải được chú trọng để đảm bảo sức khoẻ cho nhân dân trong huyện, để nhân dân có thể yên tâm sản xuất

3.4.2.1.4. *Thúc đẩy hợp tác giữa các trang trại*

Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới cho thấy: để tăng thêm sức mạnh và có khả năng đối phó lại sức ép kinh tế của thành thị, các trang trại đã từng bước

liên kết lại trên nhiều lĩnh vực: làm đất, thuỷ lợi, chế biến. Vì, liên kết sẽ là cơ sở để giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Do vậy, trong thời gian tới, huyện cùng với các tổ chức có liên quan như liên minh các hợp tác xã, trạm khuyến nông, hội nông dân có những chính sách ưu tiên, khuyến khích các trang trại hợp tác với nhau để hỗ trợ nhau phát triển, các trang trại hợp tác với các tổ chức thu mua, chế biến nông sản tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

#### 3.4.2.1.5. Tăng cường và củng cố công tác khuyến nông

##### a. Tăng cường củng cố các hoạt động khuyến nông

Tăng cường, đa dạng nội dung hoạt động của công tác khuyến nông: không chỉ bó hẹp trong việc đưa cây, con mới về, hướng dẫn kỹ thuật là xong mà quan trọng hơn là tăng cường kiến thức về thị trường, kiến thức về canh tác bền vững..., thận trọng trong việc phổ biến kỹ thuật, tránh dùng những từ kỹ thuật, từ chuyên môn mà nên đơn giản hoá từ ngữ giúp người dân dễ hiểu.

##### b. Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông

Cán bộ khuyến nông phải được chọn lọc kỹ càng, phải là người khiêm tốn, có kiến thức thực tế, có khả năng giao tiếp, không tư lợi, cây con đưa cho trang trại phải có nguồn gốc rõ ràng. Bên cạnh đó, cần nắm bắt được nhu cầu, nguyện vọng của các trang trại để hoạt động khuyến nông được thiết thực và hiệu quả. Song song với đó là tổ chức mạng lưới khuyến nông thôn bản để hỗ trợ cho hệ thống khuyến nông, tiến đến xã hội hoá công tác khuyến nông.

#### 3.4.2.1.6. Giải pháp về vốn

Vốn là nguồn quan trọng trong phát triển trang trại. Qua điều tra cho thấy, hiện nay dù trang trại đã tích lũy được số vốn tương đối lớn nhưng lượng vốn này thường nằm trong tài sản cố định của trang trại chiếm đến 65%, vốn lưu động thường có ít và không thành món.

Do vậy, nhà nước cần dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho vùng phát triển chăn nuôi, gia cầm, vay vốn đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại. Vốn vay có thời gian phù hợp với chu kỳ của cây, con, với lãi suất ưu đãi cho các



trang trại, thủ tục cần nhanh gọn hơn bởi các trang trại có vốn, có tài sản nên không sợ không thu lại được vốn.

Vay vốn được nhưng việc sử dụng vốn vay như thế nào cho có hiệu quả lại càng khó hơn, cho nên cần phải có đội ngũ cán bộ hướng dẫn chủ trang trại lập các dự án khả thi để phát triển trang trại của mình. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức khuyến nông, khuyến lâm và các tổ chức cho vay trong việc hướng dẫn sử dụng đồng vốn có hiệu quả, các tổ chức cho vay phải thường xuyên kiểm tra, khắc phục những khó khăn đảm bảo sản xuất phát triển tạo điều kiện thu hồi vốn được thuận tiện.

Trang trại có kế hoạch sử dụng những biện pháp để huy động được nhiều nguồn vốn khác nhau: ngoài ngân hàng cần tận dụng những nguồn vốn khác như: bạn bè, họ hàng, các tổ chức, hội, đoàn thể, thực hiện hình thức cơ sở kinh doanh thu mua, cơ sở chế biến ứng trước vốn cho trang trại sản xuất sau đó thu mua sản phẩm của trang trại.

#### ***3.4.2.2. Giải pháp cụ thể đối với từng trang trại***

**Giải pháp chung:** Qua phân tích thực trạng và kết quả chạy hàm sản xuất cho thấy giải pháp chung cho các trang trại trên địa bàn huyện Bắc Quang bao gồm những giải pháp sau đây:

##### ***3.4.2.2.1. Đào tạo kỹ thuật sản xuất, kỹ năng tiếp thị cho chủ trang trại***

Với thực tế là có đến 80% chủ trang trại chưa được đào tạo thì đây là giải pháp cần thiết để có thể phát triển được các trang trại trên địa bàn huyện Bắc Quang. Vì vậy, đào tạo trình độ chuyên môn phải đi trước một bước nhằm giúp cho chủ trang trại có những kiến thức cần thiết để quản lý trang trại. Đào tạo ở đây bao gồm: Đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi nhất là chăn nuôi gia cầm, lợn nái, sử dụng thuốc tiêm phòng đúng quy trình kỹ thuật, đúng hàm lượng. Đào tạo về kỹ thuật trồng trọt chủ yếu là việc chọn được giống cây trồng tốt, quy trình bón phân đúng cách, đúng thời điểm, kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây ăn quả, cây công nghiệp: chè cành, kỹ thuật sử dụng thuốc trừ sâu: nhận biết cây bị nhiễm sâu, loại sâu bị nhiễm, sử dụng thuốc nào là hợp lý, khi nào sử dụng sẽ có tác

dụng cao nhất, cách bảo quản nông sản... Đào tạo về kỹ năng tiếp thị, bán sản phẩm: các hình thức quảng cáo, các kỹ năng khác về marketing.

#### 3.4.2.2.2. Đào tạo kiến thức quản lý cho chủ trang trại

Đào tạo trình độ quản lý cho chủ trang trại hay cách tổ chức sản xuất trong trang trại là giải pháp quan trọng trong nhóm những giải pháp cụ thể đối với từng trang trại, vì thông qua đó sẽ trang bị cho người chủ trang trại những cách thức, bước đi đúng hướng nhằm lường trước được những rủi ro có thể gặp phải trong quá trình khởi sự xây dựng trang trại của mình. Không những thế, nó còn giúp cho những chủ trang trại đang quản lý trang trại của mình xây dựng được kế hoạch sản xuất có tính khả thi và phù hợp với nguồn lực mà trang trại có thể có. Giải pháp bao gồm:

##### a. Chọn loại hình trang trại, lập quy hoạch sản xuất :

- ◆ *Chọn loại hình trang trại:* để chọn được trang trại phù hợp thì phải căn cứ vào:
  - Điều kiện tự nhiên: căn cứ vào thời tiết, địa hình, thổ nhưỡng, nguồn nước tại khu vực định làm trang trại.
  - Nguồn vốn: vốn tự có bao nhiêu, còn thiếu bao nhiêu, vay ngân hàng hay vay từ các chương trình dự án đang thực hiện tại địa phương.
  - Nguồn lao động: Số lao động của gia đình có đủ để thực hiện các công việc trong trang trại hay không, nếu không thì thuê lao động như thế nào: thuê thường xuyên hay thuê theo thời vụ, yêu cầu lao động như thế nào.
  - Khả năng tiêu thụ sản phẩm: sản phẩm của trang trại làm ra có khả năng tiêu thụ không: có nhà máy chế biến, có nằm trong vùng quy hoạch sản phẩm đó không...
  - Sở trường kinh doanh của chủ trang trại: chuyên môn của chủ trang trại thuộc lĩnh vực nào.
- ◆ *Lập sơ đồ quy hoạch sản xuất*
  - Quy hoạch về trồng trọt: căn cứ vào địa điểm, tính chất của đất đai của mỗi trang trại từ đó bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, thuận tiện đối với sinh trưởng



của từng loại cây, thuận tiện chăm sóc, giảm công vận chuyển khi bón phân cũng như thu hoạch.

- Quy hoạch về chăn nuôi: căn cứ vào điều kiện chuồng trại, ao hồ cụ thể từ đó xác định loại vật nuôi, số lượng bao nhiêu là phù hợp nhất, chu kỳ khai thác của từng loại, chu chuyển đàn vật nuôi như thế nào. Thiết kế, xử lý phân, rác thải, khu bảo quản và chế biến thức ăn.
- Bố trí hài hoà giữa đất ở và đất sản xuất, chuồng trại chăn nuôi, vườn, đường đi... vừa tạo sự hợp lý trong việc sản xuất vừa tạo ra cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

#### b. Xây dựng kế hoạch sản xuất:

Xây dựng kế hoạch sản xuất trong trồng trọt và chăn nuôi giúp cho chủ trang trại điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất một cách chặt chẽ và có kế hoạch, bố trí lực lượng và thời gian lao động có lợi nhất. Xây dựng kế hoạch sản xuất bao gồm những khâu công việc sau:

##### ◆ *Chỉ tiêu sản xuất:*

- Với các loại cây trồng: thể hiện đầy đủ các công việc của ngành sản xuất này trong một năm, từ đó giúp cho chủ trang trại điều khiển, thực hiện công tác chủ động, kịp thời, tránh chồng chéo công việc và đảm bảo hiệu quả sản xuất cao đối với toàn bộ các công việc sản xuất theo kế hoạch. Bao gồm: thời vụ gieo trồng, diện tích, loại cây trồng, giống và dự kiến năng suất của từng loại cụ thể.
- Các loại vật nuôi: thể hiện các công việc cụ thể, các giai đoạn trong một chu kỳ chăn nuôi và đảm bảo gối tiếp, chu chuyển đàn gia súc theo kế hoạch thông qua chỉ tiêu vật tư và lao động từng loại. Xác định số lượng, chu kỳ, dự kiến năng suất, sản lượng của từng loại.

##### ◆ *Chỉ tiêu vật tư:*

- Số lượng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, giống, thủy lợi cho từng loại cây trồng là bao nhiêu.
- Số lượng thức ăn thô, tinh, thuốc phòng dịch, cho từng loại vật nuôi là bao nhiêu.

♦ *Chỉ tiêu lao động:*

- Công làm đất, gieo trồng, chăm sóc thu hoạch, phòng trừ sâu bệnh, vận chuyển cho từng loại cây là bao nhiêu.
- Công chế biến, chăn thả, chăm sóc, phòng dịch bệnh cho từng loại vật nuôi.

## c. Tổ chức thực hiện và quản lý sản xuất

Mục đích chủ yếu của trang trại là sản xuất và kinh doanh hàng hoá nông sản, đáp ứng nhu cầu thị trường trong khu vực, trong nước thậm chí là xuất khẩu.

Việc quản lý sản xuất kinh doanh trong trang trại gồm các nội dung chính sau:

♦ *Quản lý sản xuất:* đối với nội dung này chủ trang trại phải đảm bảo:

- Sử dụng đất đai có hiệu quả, đầy đủ và hợp lý.
- Quản lý chu trình sản xuất từ khâu khởi điểm đến khâu tiêu thụ sản phẩm.
- Tiết kiệm tránh thất thoát vốn.
- Quản lý tài sản tổng thể theo niên hạn rõ ràng.

♦ *Quản lý tài chính:* đây là nội dung quan trọng, phức tạp và có những thay đổi bởi những yếu tố khách quan như năng suất, chất lượng sản phẩm và diễn biến của thị trường... Do vậy, việc quản lý tài chính trong trang trại phải đảm bảo:

- Đầu tư chi phí ở mức cần thiết thấp nhất (vốn và lao động).
- Hiệu quả sản xuất cao nhất thể hiện ở mức doanh thu và lợi nhuận cao, từ đó sẽ có giá trị ngày công lao động cao nhất.
- Chi phí bù đắp cho lao động sống, củng cố cơ cấu sản xuất và cho tái sản xuất một cách hợp lý.

♦ *Quản lý nguồn nhân lực:* do tính chất thời vụ của sản xuất nông nghiệp liên quan chặt chẽ đến việc sử dụng nguồn nhân lực, do vậy để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch sản xuất một cách chủ động, chủ trang trại cần phải:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất và lịch canh tác càng cụ thể càng tốt.
- Tính toán nhu cầu về lao động và cân đối lao động trong điều kiện khả thi.



- Có kế hoạch bồi dưỡng lao động để nâng cao chất lượng, năng suất lao động. Mặt khác cần đề ra chế độ thưởng phạt hợp lý để kích thích tinh thần làm việc của người lao động.
- ◆ *Quản lý thị trường và nguồn tiêu thụ sản phẩm:* trong sản xuất kinh doanh nói chung và trong trang trại nói riêng việc quản lý thị trường và nguồn tiêu thụ sản phẩm có tính chất quyết định, đảm bảo sự thắng lợi của chủ trang trại. Để thực hiện tốt nội dung này chủ trang trại phải:
  - Nắm vững nhu cầu của thị trường bằng cách tiếp cận theo nhiều kênh thông tin trực tiếp và thường xuyên.
  - Dự báo được những khả năng về diễn biến những nhu cầu của thị trường.
  - Tạo ra sản phẩm hàng hoá đáp ứng được những nhu cầu lâu dài của thị trường.
  - Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá tạo ra.
  - Đảm bảo tín nhiệm với khách hàng.

*Tóm lại:* Việc đào tạo trình độ chuyên môn và quản lý cho chủ trang trại là yêu cầu quan trọng đối với sự phát triển của các trang trại sản xuất hàng hoá trên địa bàn huyện Bắc Quang. Bởi vì, thông qua đó chủ trang trại sẽ lĩnh hội được những kiến thức chuyên môn và quản lý cần thiết cho việc điều hành hoạt động của trang trại, hạn chế được những rủi ro chủ quan do thiếu kiến thức chuyên môn và quản lý của chủ trang trại, giúp trang trại nhạy bén với sự thay đổi của thị trường.

#### 3.4.2.2.3. Giải pháp về kỹ thuật

**Về công tác giống:** Để đạt được mục tiêu là tăng nhanh năng suất và sản lượng của từng loại cây trồng và vật nuôi thì công tác giống giữ vị trí quan trọng.

**Cây lúa:** thay các giống dài ngày có năng suất thấp như CR 203, DT10, X21, X22 bằng các giống lúa ngắn ngày chủ lực có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt như Khang Dân 18, Q<sub>2</sub>, Q<sub>5</sub> của Trung Quốc, nếp IR 352, Tạp giao 1...

**Cây ngô:** sử dụng các giống ngô mới như: VN25 do Viện Nghiên cứu Ngô lai tạo, CD- DK999, CD- DK888, CP 989, CP 2000, các dòng ngô lai Bioseed như 9670, 9681, 9797...

Cây đậu tương: sử dụng giống DT- 2000, DT- 2001 do Viện Di truyền Nông nghiệp sản xuất có khả năng chịu hạn, cho năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện của huyện Bắc Quang.

Cây khoai lang: tập trung trồng một số giống khoai lang cho năng suất cao như KL5, KB1, K51 nhằm lấy sản phẩm phục vụ chăn nuôi.

Cây lạc: thay đổi giống lạc cũ như Đỏ Bắc Giang, V79 bằng các giống như L<sub>12</sub>, L<sub>14</sub>, L<sub>15</sub> của Viện KHKT NN Việt Nam, M<sub>D7</sub> của Trung Quốc có khả năng chống bệnh cao, không bị thối củ hoặc thân, cho năng suất trung bình từ 29 đến 56,5 tạ /ha.

Cây chè: Hiện nay chè trồng tại các trang trại cũng như trên địa bàn huyện đều là giống chè Trung Quốc lá to hay còn gọi là chè Trung du được trồng bằng hạt. Để tăng năng suất cũng như chất lượng của chè Bắc Quang cạnh tranh được trên thị trường nhằm nâng cao được giá trị kinh tế thì các trang trại cần phải thay các giống chè trên bằng các giống chè như TRI 777, LDP1, LDP2 trồng bằng hom có khả năng phát triển mạnh cho năng suất cao và chất lượng tốt.

Cây ăn quả: cải tạo vườn tạp, thay thế các giống cây ăn quả có giá trị kinh tế thấp hoặc năng suất thấp bằng các giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế như: Cam, Vải thiều, nhãn lồng, hồng không hạt.

Chăn nuôi: với mục tiêu của huyện là nhằm đưa ngành chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính.

Bò: thay giống bò địa phương chậm lớn, nhỏ bằng cách cho lai với giống bò Sind để lấy con lai nuôi lấy thịt cho phẩm chất thịt tốt, lớn nhanh.

Lợn: dùng các giống lợn đực ngoại như: Landrace, Yoocsai cho lai với lợn Móng Cái để lấy con lai nuôi thịt. Lợn con lai ra có đặc điểm dễ nuôi, chóng lớn, chất lượng thịt tốt hơn so với lợn thuần chủng Móng Cái, tỷ lệ nạc đạt 40 - 43%

Gà: Hiện nay, gà được nuôi tương đối nhiều tại các trang trại chủ yếu vẫn là chăn nuôi gà thả vườn. Trong thời gian tới để chăn nuôi gà đạt hiệu quả cao thì cần tập trung nuôi theo phương thức công nghiệp hoặc kết hợp với thả vườn



như: chăn nuôi gà siêu thịt, siêu trứng với các giống như: AA, Avian, Tam hoàng, Kabiar, IsaJa57...

**Kỹ thuật thâm canh:** cần chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tập trung gieo trồng những giống ngắn ngày, coi sản xuất vụ đông là vụ sản xuất chính thứ 3 chủ yếu là cây mầu như: ngô, khoai và các loại đậu đỗ. Đối với cây chè, áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết (thiết bị tưới tiêu, tủ gốc, bón phân...) nhằm tăng năng suất, chất lượng chè vụ đông. Về chăn nuôi, cần xây dựng cơ sở thức ăn phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, phòng chống dịch bệnh định kỳ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào chăn nuôi theo hướng công nghiệp, chuyên môn hoá cao.

#### 3.4.2.2.4. Giải pháp riêng cho từng loại hình trang trại

**Giải pháp riêng**: Để kinh tế trang trại phát triển đem lại hiệu quả cao, bền vững thì mỗi loại hình trang trại phải có những hướng sản xuất phù hợp. Vì, phương hướng sản xuất quyết định sản phẩm sản xuất ra của trang trại, quyết định tới kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế của trang trại

Bên cạnh những giải pháp chung cho các loại hình trang trại thì cần thiết phải có những giải pháp riêng cho từng trang trại bởi với mỗi loại hình trang trại có nguồn lực, những điều kiện để phát triển riêng mà các loại hình trang trại khác không thể có được.

Qua số liệu điều tra và phân tích cho thấy các trang trại trên địa bàn huyện sẽ có những hướng phát triển riêng, phụ thuộc vào điều kiện đất đai, vốn, lao động của mình. Trên cơ sở đó tôi đưa ra một số giải pháp riêng cho mỗi loại hình trang trại cụ thể như sau:

**Với loại hình trang trại cây lâu năm**: với đặc điểm là diện tích đất tương đối lớn, do vậy, trong thời gian tới loại hình trang trại này cần tập trung vào một số hướng sản xuất sau đây:

**Về trồng trọt**: với lợi thế về đất đai sẵn có, trang trại cần quy hoạch lại vườn tạp loại bỏ những cây có giá trị kinh tế thấp, thay đổi giống cây trồng phù hợp. Tốt nhất là các trang trại nên tìm kiếm vay được những nguồn vốn dài hạn đầu tư vào diện tích trồng cam và các cây lâu năm khác như chè, nhãn. Bên

canh đó, những trang trại nào có diện tích trồng lúa thì cần tận dụng diện tích này trồng các loại cây mầu để đáp ứng nhu cầu cho sinh hoạt cũng như hỗ trợ cho ngành chăn nuôi phát triển.

Về chăn nuôi: dần dần coi chăn nuôi là ngành cho thu nhập chính trong trang trại, do vậy phương hướng trong thời gian tới là phát triển nuôi các loại gia súc: lợn bao gồm cả lợn thịt và lợn nái, các loại gia cầm như gà, vịt nhưng với điều kiện là phải chú ý khâu phòng dịch bệnh

Về dịch vụ: với lợi thế về vốn và trình độ những trang trại có điều kiện thuận lợi nên phát triển thêm ngành nghề dịch vụ nhằm tận dụng máy móc cũng như những ưu thế khác của trang trại mình.

Về cơ sở vật chất: cần đầu tư mới hoặc thay thế một số thiết bị phục vụ sản xuất như chuồng trại phục vụ chăn nuôi, mua máy móc phục vụ việc thâm canh sản xuất để đạt hiệu quả cao hơn đồng thời tận dụng làm dịch vụ trong khu vực trang trại của mình.

Loại hình trang trại chăn nuôi: với đặc điểm là diện tích đất sản xuất ít nhưng có số lao động, do vậy để trang trại mình phát triển, các trang trại phải tập trung đầu tư vào sản xuất nhằm chuyên môn hoá sản xuất.

Về trồng trọt: với diện tích hạn hẹp của mình các trang trại cần phải sử dụng triệt để diện tích đất còn bỏ hoặc trồng cây không có giá trị kinh tế thay thế bằng trồng cây cam giống mới để có thể tăng diện tích trồng cam, cây trồng chủ lực lợi thế của huyện nhằm tận dụng nguồn phân bón từ ngành chăn nuôi sản xuất ra.. Đối với đất trồng lúa, các trang trại cần tận dụng quỹ đất hạn hẹp này để đầu tư thâm canh nâng diện tích lúa 1 vụ lên thành 2 đến 3 vụ trong đó có 1 vụ là trồng mầu với cây trồng chủ yếu là ngô, khoai lang nhằm cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi của trang trại.

Về chăn nuôi: tận dụng lợi thế sẵn có của mình về chuồng trại, kinh nghiệm để phát triển hơn nữa ngành chăn nuôi. Tập trung toàn bộ vào chăn nuôi gia súc và gia cầm như: lợn nái để cung cấp lợn con nuôi lấy thịt, lợn thịt nuôi 51 con/lứa, nuôi gà thịt với số lượng tương đối lớn khoảng 150 đến 200con /lứa.



Bên cạnh đó những trang trại nào có lợi thế về ao hồ nên phát triển nuôi thả cá nhằm phát triển theo hướng VAC.

Về dịch vụ: phát triển thêm các ngành nghề dịch vụ với quy mô cũng như địa bàn rộng hơn. Nhằm tận dụng được máy móc từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản cố định. Góp phần nâng cao tỷ trọng của ngành dịch vụ trong cơ cấu giá trị gia tăng của trang trại.

Loại hình trang trại kinh doanh tổng hợp: là loại hình có diện tích đất bình quân lớn nhất, thực tế đây là loại hình sản xuất có hiệu quả cao nhất, có thể nói tiềm năng đầu tư phát triển của loại hình này vẫn còn rất lớn

Về trồng trọt: với cây ăn quả tập trung chăm sóc số cam hiện có đồng thời với quỹ đất vẫn còn thì có thể phát triển trồng thêm cam, nhãn, hồng không hạt nhằm đa dạng hoá sản phẩm. Tiếp tục chăm sóc thâm canh diện tích ruộng lúa kết hợp với trồng cây màu nhằm tạo đà cho sự phát triển của ngành chăn nuôi.

Về chăn nuôi: tiếp tục tăng quy mô chăn nuôi với số lượng lớn, phát triển thêm chăn nuôi, phát triển chăn nuôi gà theo hướng bán công nghiệp tức vừa cho ăn thức ăn tinh vừa thả vườn nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài chăn nuôi gà, lợn thì đối với loại hình này cần phát triển thêm chăn nuôi đại gia súc để tận dụng tốt nguồn đất đai rộng lớn phát triển chăn nuôi bò, đồng thời phát triển thêm nuôi dê vì hiện nay dê vừa có giá trị kinh tế cao lại, không phải chăm sóc nhiều, thức ăn đơn giản, nhiều chủng loại.

Về dịch vụ: tiếp tục phát triển ngành nghề dịch vụ trên địa bàn xung quanh trang trại, nâng cao chất lượng dịch vụ, ngành nghề, đầu tư thêm máy móc hiện đại hơn nhằm hạ giá thành sản phẩm.

## KẾT LUẬN

1. Kinh tế trang trại ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của nông nghiệp nông thôn hiện nay, đặc biệt ở những vùng đồi núi như Bắc Quang, nơi tiềm năng về đất đai còn rất lớn.

2. Trong trang trại, mục tiêu lợi nhuận là mục tiêu quan trọng nhất, tuy nhiên đi kèm theo mục tiêu lợi nhuận bao gồm cả mục tiêu chính trị, kinh tế- xã hội và môi trường.

3. Ở Bắc Quang, chính quyền địa phương, các tổ chức cụ thể là Ủy ban nhân dân, Phòng NN&PTNT và ngân hàng rất chú trọng, quan tâm và tạo điều kiện về hỗ trợ vốn, giống, giao đất giao rừng, tăng cường cơ sở hạ tầng... để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các loại hình trang trại trong huyện phát triển. Tập trung xây dựng điểm từ 3 đến 5 trang trại điển hình để không những các trang trại trong huyện đến học tập mà còn khuyến khích hộ nông dân trong vùng học tập góp phần vào phát triển nông thôn trong vùng.

4. Hiện nay, ở Bắc Quang, loại hình trang trại đang phổ biến và phát triển mạnh là loại hình nông lâm kết hợp và ngành nghề dịch vụ. Các trang trại trong huyện phát triển chủ yếu các loại cây trồng có tiềm năng như: chè, cây ăn quả (cam, vải, nhãn), các loại vật nuôi như: cá, gà, lợn. Tuy vậy, một số trang trại cũng đã mạnh dạn đầu tư vào chuyên canh như nuôi lợn, cá giống, chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò. Nhìn chung, các trang trại đều có thu nhập tương đối cao, sản xuất đã hướng ra thị trường, trang trại sử dụng lao động gia đình là chính, chủ trang trại là người khao khát làm giàu, biết tính toán lỗ lãi, là người am hiểu thị trường.

5. Tuy nhiên, kinh tế trang trại ở Bắc Quang còn bộc lộ một số khó khăn cần sớm được khắc phục. Khó khăn lớn nhất đối với là tiêu thụ sản phẩm, kỹ thuật sản xuất và vốn. Bên cạnh đó, thì những khó khăn bên ngoài cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển như: hệ thống cơ sở hạ tầng, chất lượng cây con giống còn chưa đáp ứng được nhu cầu, lao động còn thủ công, gặp nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất như an ninh.



6. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố chi phí, số lao động chính, diện tích và trình độ quản lý của chủ trang trại có ảnh hưởng lớn đến kết quả và hiệu quả sản xuất của kinh tế trang trại. Cụ thể, những nhân tố trên có ảnh hưởng tới 67% đến hiệu quả sản xuất của kinh tế trang trại

7. Có nhiều giải pháp kinh tế khả thi để phát triển trang trại huyện Bắc Quang. Trước hết, cần phải tiến hành công tác quy hoạch lại đất đai, quy hoạch vùng cây trồng, vật nuôi, gắn giữa nơi sản xuất với thị trường tiêu thụ và nơi chế biến nông sản. Gắn với công tác quy hoạch thì phải xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng. Với cụ thể từng trang trại, giải pháp mang tính quan trọng là việc đào tạo trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho chủ trang trại, cho vay vốn với lãi suất thấp, thời gian vay phù hợp để trang trại đầu tư thâm canh, khuyến khích các trang trại khai thác những khu vực đất có khả năng sử dụng còn bỏ hoang hoá.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng việt:

1. Nguyễn Như Ất, Phan Thị Nguyệt Minh (2001), *Tuổi trẻ lập nghiệp từ trang trại*, NXB Thanh niên.
2. Bộ chính trị (1998), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, số 06-NQ/TW.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Tạp chí Nông nghiệp và Nông thôn* số 3, 2003.
4. Chi cục thống kê Huyện Bắc Quang (2003). *Tình hình thời tiết khí hậu huyện Bắc Quang*.
5. Chỉ thị 100 CT/TW (1981), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tháng 4 năm 1988).
6. Ngô Sinh Cúc. *Khảo sát kinh tế trang trại*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 3 năm 1999. Trang 46 – 56.
7. Cục thống kê Hà Giang (2003). *Báo cáo tổng hợp nhanh kinh tế trang trại tỉnh Hà giang*.
8. Cục Thống kê Hà Giang, (2003), *Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang*, NXB Thống kê, Hà Nội.
9. Nguyễn Điền (1999), *Tổ chức Quản lý kinh tế trang trại trên thế giới và Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 4, trang 37- 43.
10. Nguyễn Điền, Trần Đức, Trần Huy Năng (1993), *Kinh tế trang trại gia đình trên thế giới và Châu Á*, NXB Thống kê.
11. Trần Đức (1998), *Kinh tế trang trại vùng đồi núi*, NXB Thống kê Hà Nội.
12. Nghị quyết 03/2000/NQ - CP ngày 02/02/2000 về kinh tế trang trại.
13. Nghị quyết 10/NQ - TU 4-2004 của Tỉnh uỷ Hà Giang về *chương trình hành động theo tinh thần Nghị quyết 6 (lần I) khoá VIII của Đảng*.
14. Trần Ngọc Ngoạn, Nguyễn Hữu Hồng, Đặng Văn Minh (1999), *Giáo trình Hệ thống nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp.



15. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang (2004), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Hà Giang*.
16. Tổng cục Thống kê (2000), *Hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục thống kê*, Văn bản số 69/TTLB/BNN-TCTK.
17. Lê Trọng (2000), *Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Tuấn (2001), *Giáo trình Quản lý trang trại nông lâm nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
19. UBND Tỉnh Hà Giang (2002). *Dự án định hướng cơ bản về tổng thể quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Giang*.

**Tài liệu tiếng Anh:**

20. David R. Anderson, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams (1991), *Introduction to Statistics: Concept and Application*, 2<sup>nd</sup> ed, West Publishing Company, USA.

## PHỤ LỤC: KẾT QUẢ CHẠY HÀM COBB-DOUGLAS

### SUMMARY OUTPUT

Dependent Variable: Ln GTGT

<i>Regression Statistics</i>	
Multiple R	0,848286819
R Square	0,719590527
Adjusted R Square	0,69154958
Standard Error	0,178740917
Observations	45

### ANOVA

	<i>df</i>	<i>SS</i>	<i>MS</i>	<i>F</i>	<i>Significance F</i>
Regression	4	3,279447714	0,8198619	25,6621333	1,39041E-10
Residual	40	1,277932616	0,0319483		
Total	44	4,55738033			

	<i>Coefficients</i>	<i>Standard Error</i>	<i>t Stat</i>	<i>P-value</i>	<i>Lower 95%</i>	<i>Upper 95%</i>
Intercept	12,47386774	0,919134906	13,571313	1,472E-16	10,61622754	14,33150793
Ln CPHI	0,240823784	0,057558046	4,184016	0,00015214	0,124494681	0,357152887
Ln LĐCHINH	0,469397288	0,129056983	3,637132	0,00077918	0,208563501	0,730231076
Ln DTICH	0,258612354	0,041096948	1,9919055	0,05323886	-0,001198761	0,164921232
Ln QLY	0,126982333	0,059598173	2,1306414	0,03931812	0,006529981	0,247434686



# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ GIANG

TỶ LỆ 1: 550.000

TRUNG QUỐC





**BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2001**  
**HUYỆN BẮC QUANG - TỈNH HÀ GIANG**

**0800-07621 7144**

